dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

"Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn đệm mùng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, 'Như vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy'. Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn, bèn tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt, những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, 'Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chớ không phải vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt'. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?' Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chăng?', bèn đốn ngã cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Thật sự như vậy, Cù-đàm."

"Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Không vậy, Cù-đàm."

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi'. Nếu ai có sự xả ly dục ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện này.

"Đó gọi là trong Thánh pháp luật còn có Tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đạt đến chứng ngộ.

"Này Cư sĩ, rồi vị ấy có giác có quán, đã dứt[4], nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy ly hỷ, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân thọ lạc, điều mà Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Rồi vị ấy lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn cũng diệt, không lạc không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

"Rồi vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và chứng ngộ lậu tận trí thông, biết như thật 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Khi nói pháp này Bô-lị-đa Cư sĩ viễn ly trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ Bô-lị-đa Cư sĩ thấy pháp, đắc pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trụ nơi quả chứng đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đảnh lễ chân Phật bạch:

---

4. "Có giác có quán" là Sơ thiền, "giác quán đã dứt" là ở Nhị thiền. Ở đây không nói đến Sơ thiền. Pāli lược bỏ cả bốn thiền.

"Bạch Thế Tôn, con nay quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, từ hôm nay suốt trọn đời, tự quy y cho đến lúc mạng chung.

"Bạch Thế Tôn, con trước đây mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy, cầm dù và mang guốc tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp nơi thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí, bèn nói như vầy, 'Chư Hiền, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự'. Các Sa-môn, Phạm chí ấy bèn những lời dịu dàng nói với con rằng, 'Vâng, Cư sĩ Bô-lị-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự'.

"Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng Tỳ-kheo và đệ tử Thế Tôn, đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

"Bạch Thế Tôn, con nay lại lần nữa tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung. Bạch Thế Tôn, con trước kia kính tín kính trọng các Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo, kể từ hôm nay đoạn tuyệt. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay suốt đời tự quy y cho đến lúc mạng chung."

Đức Phật thuyết như vậy, Cư sĩ Bô-lị-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

204. KINH LA-MA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.

Bấy giờ Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, nói với Tôn giả A-nan rằng:

"Bây giờ ta và ngươi đến sông A-di-la-bà-đề[2] để tắm."

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Xin vâng, bạch Thế Tôn."

Rồi Tôn giả A-nan cầm then cửa tản bộ đi đến khắp các cốc, gặp Tỳ-kheo nào cũng nói rằng:

"Chư Hiền, hãy đi đến nhà Phạm chí La-ma[3]."

Các Tỳ-kheo nghe nói, bèn cùng nhau đến nhà Phạm chí La-ma.

Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-bà-đề, cởi y để trên bờ, rồi xuống nước tắm. Tắm xong, trở lên lau mình, mặc y. Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng[4]:

"Bạch Thế Tôn, nhà của Phạm chí La-ma rất tốt, ngăn nắp, rất khả ái. Cúi mong Thế Tôn vì lòng từ bi mẫn đi đến nhà của Phạm chí La-ma."

Thế Tôn im lặng nhận lời của Tôn giả A-nan. Rồi Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến nhà Phạm chí La-ma. Bấy giờ tại nhà của Phạm

---

1. Tương đương Pāli. M. 26. Ariyapariyesana-suttaṃ.
2. A-di-la-bà-đề 阿夷羅婆提。Pāli: Aciravatī. Trong bản Pāli: Pubbakoṭṭhaka.
3. La-ma 羅摩。Pāli: Rammaka.
4. Một vài chi tiết trong đoạn này không được mạch lạc.

chí La-ma một số đông Tỳ-kheo đã tụ tập ngồi lại để thuyết pháp. Đức Phật đứng ngoài cửa, đợi các Tỳ-kheo nói pháp xong. Khi số đông các Tỳ-kheo đã nói pháp xong, các ngài ngồi im lặng. Thế Tôn biết rồi bèn tằng hắng và gõ cửa.

Các Tỳ-kheo nghe, tức thì đi ra mở cửa[5]. Thế Tôn bước vào nhà Phạm chí La-ma, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi và hỏi:

"Các Tỳ-kheo vừa rồi nói những câu chuyện gì vậy? Vì công việc gì mà tụ tập ngồi ở đây?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, vừa rồi, chúng con thuyết pháp. Do pháp sự này mà tụ tập ngồi tại đây."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay, Tỳ-kheo khi tụ tập ngồi lại nên làm hai việc; một là thuyết pháp, hai là im lặng. Vì sao vậy? Ta sẽ giảng pháp cho các ngươi. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy tư niệm kỹ."

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

"Chúng con kính vâng lời lắng nghe."

Đức Phật nói:

"Có hai loại tìm cầu. Một là Thánh cầu[6] và hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ thuộc bệnh tật nhưng lại tìm cầu tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết nhưng lại tìm cầu sự chết, thật sự lệ thuộc vào ưu bi khổ não, lệ thuộc sự tạp uế, nhưng lại tìm cầu sự tạp uế.

"Thế nào là thật sự lệ thuộc vào bệnh tật[7] nhưng lại tìm cầu sự bệnh tật? Thế nào là sự tật bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh pháp. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là sự bệnh pháp. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu.

"Thế nào là sự lệ thuộc sự già[8], sự chết, sự sầu bi ưu não, sự tạp

---

5. Theo bản Pāli, đây là một am cốc (Rammakassa brāhmanassa assamo: thảo am của Bà-la-môn Rammaka) chứ không phải là nhà.
6. Thánh cầu 聖 求。Pāli: ariyāpariyesanā.
7. Bệnh pháp 病 法。Pāli: byādhidhamma.
8. Lão pháp 老 法。Pāli: jarādhamma.

uế? Con cái, anh em đó là sự tạp uế. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, đó là sự tạp uế, sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn, vô thượng, Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn an ổn vô thượng là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn vô thượng an ổn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

"Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này, 'Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi khổ não, sự tạp uế, nhưng không bỏ sự tìm cầu tạp uế. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn, Niết-bàn'. Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp có thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, là trường hợp có thể có.

"Ta trước kia khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cũng suy nghĩ như vầy, 'Ta thực sự lệ thuộc tật bệnh, không bỏ tìm cầu sự tật bệnh. Ta thực sự lệ thuộc già, chết, sầu bi ưu não, tạp uế, nhưng không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế. Vậy ta có nên tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn chăng?'

"Ta vào thời thiếu niên trong trắng, mái tóc xanh mướt, cho đến thời tráng niên năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, vui đùa, trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui, nhưng Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo; thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp

uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm nơi A-la-la[7] Già-la-ma[9], hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, tôi muốn theo pháp của người để tu học phạm hạnh được chăng?' A-la-la trả lời rằng, 'Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành'. Ta lại hỏi, 'Người làm thế nào để tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?' A-la-la đáp, 'Ta vượt qua tất cả thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Do đó, pháp của ta được tự tri, tự giác, tự tác chứng'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này. Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này'. A-la-la đối với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta muốn chứng pháp này nên sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh. Sau khi tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la Già-la-ma, hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ?' A-la-la trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, đó là pháp ta tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ'. A-la-la lại nói với Ta rằng, 'Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của ta đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, ta cũng vậy. Hiền giả, người hãy đến đây, cùng ta lãnh đạo đồ chúng này'. Đó là A-la-la đối xử với Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ.

"Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí; pháp này không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này, để cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta bèn bỏ pháp này đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn.

"Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đà-la La-ma Tử[10], hỏi rằng, 'Thưa Uất-

---

9. A-la-la Già-la-ma 阿羅羅伽羅摩。Pāli: Āḷāra Kālāma.

10. Uất-đà-la La-ma Tử 鬱陀羅羅摩子。Pāli: Udduka Rāmaputta.

đà-la, tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học'. Ta lại hỏi, 'Thưa Uất-đà-la, cha ngài là La-ma[11], người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì?' Uất-đà-la La-ma Tử đáp, 'Hiền giả, ta vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Hiền giả, pháp mà cha ta La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp này'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?' Vì Ta muốn chứng pháp này, cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đà-la La-ma Tử hỏi rằng, 'Thưa Uất-đà-la La-ma Tử, cha ngài là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, cha ta là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ'. Uất-đà-la lại nói với Ta rằng, 'Cũng như cha ta tác chứng pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như Hiền giả tác chứng pháp này, cha ta cũng vậy. Hiền giả hãy đến đây cùng ta lãnh đạo đồ chúng này'. Uất-đà-la đối xử với Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc Tôn sư, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta liền xả bỏ pháp

---

11. Nhữ phụ La-ma 汝父羅摩; đáng lẽ gọi là La-ma Tử, không hiểu tại sao ở đây lại nói như vậy. Bản Pāli cũng chỉ gọi Rāma (tên cha) thay vì gọi Uddaka hay Rāmaputta (tên con).

ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

"Rồi Ta đi về phía nam núi Tượng đỉnh[12], đến tại Uất-bệ-la [13], một ngôi làng của Phạm chí tên gọi là Tư na[14], đây là một khoảng đất xinh xắn, khả ái, núi rừng sầm uất, sông Ni-liên-thuyền[15] với dòng nước trong xanh chảy lên bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy bèn nghĩ rằng, 'Nếu một thiện nam tử muốn học đạo, nên ở nơi này mà học, Ta cũng học đạo; vậy Ta hãy ở nơi này mà học. Rồi Ta ôm cỏ đến cây giác thọ[16]. Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết già, kỳ hạn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc Lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc Lậu tận.

"Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Liền đạt được sự không già không chết, không ưu bi sầu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp[17], 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước chăng?'

"Lúc bấy giờ có Thiên thần trụ trong hư không nói với Ta rằng: "Đại Tiên nhân, xin biết cho, A-la-la Già-la-ma vừa mạng chung đến nay đã được bảy ngày'. Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma đã mạng chung được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vầy, 'A-la-la Già-la-ma, thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu được nghe

---

12. Tượng đỉnh sơn 象 頂 山。 Pāli: Gayāsisa.
13. Uất-bệ-la 鬱 鞞 羅。 Pāli: Uruvelā.
14. Tư-na 斯 那。 Pāli: Senā.
15. Ni-liên-thuyền 尼 連 禪。 Pāli: Nerañjarā.
16. Giác thọ, tức cây bồ-đề.
17. Định đạo phẩm pháp 定 道 品 法， bản Pāli: akuppā me vimutti, sự giải thoát của Ta không dao động.

pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp[18].

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho Uất-đà-la La-ma Tử trước nhất chăng?" Thiên thần lại trụ trong hư không nói với Ta rằng, 'Đại Tiên nhân, xin biết cho, Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất'. Ta cũng tự biết Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vầy, 'Uất-đà-la La-ma Tử thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu nghe được pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp'.

"Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, Ta liền suy nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Xưa kia, năm Tỳ-kheo theo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta, nay Ta có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước kia chăng?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Năm Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu?' Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại[19], Tiên nhân trú xứ, trong vườn Lộc giả.

"Ta tùy thuận trụ dưới gốc cây Giác thọ. Sau đó Ta thu vén y, ôm bát đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Gia-thi[20]. Bấy giờ Dị học Ưu-đà[21], từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta rằng, 'Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai?' Lúc bấy giờ Ta liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà rằng:

Ta tối thượng, tối thắng;
Nhiễm trước pháp đã trừ;
Giải thoát, ái diệt tận;
Tự giác, ai Tôn sư?
Bậc Vô Đẳng, Đại Hùng,

---

18. Nguyên bản Hán: pháp thứ pháp 法次法。 Đoạn Pāli tương đương không có từ liên hệ, nhưng thông thường là dhammānudhamma.
19. Ba-la-nại, Tiên nhơn trụ xứ, Lộc giả uyển 波羅奈仙人住處鹿野苑。 Pāli: Bārāṇasi Isipatanaṃ Migadāyo.
20. Gia-thi đô ấp 加尸都邑; không rõ ở đâu.
21. Ưu-đà 優陀。 Pāli: Upaka.

Tự Giác, Vô Thượng Giác,
Như Lai, Thầy thiên, nhơn,
Biến tri, thành tựu lực.

"Ưu-đà hỏi rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng?"

"Ta lại nói bài kệ trả lời rằng:

Đấng Tối Thắng như vậy
Các lậu đã tận trừ.
Ta sát hại ác pháp,
Nên tối thắng là Ta.

"Ưu-đà lại hỏi Ta rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm, bấy giờ muốn đi về đâu?"

"Bấy giờ Ta nói bài kệ rằng:

Ta đến Ba-la-nại,
Gióng trống diệu cam lồ,
Chuyển pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời.

"Ưu-đà lại nói với Ta rằng:

"–Hiền giả Cù-đàm, hoặc có thể là như vậy."

"Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui.

"Ta một mình đi đến Tiên nhân trụ xứ, trong vườn Lộc dã. Bấy giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng, 'Chư Hiền, nên biết đó là Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diệu, bằng cơm gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, và bôi xoa thân thể bằng dầu mè nay lại đến đây. Các người cứ ngồi. Chớ nên đứng dậy đón tiếp, cũng đừng làm lễ. Dành sẵn cho một chỗ đó, nhưng đừng mời ngồi, hãy nói rằng 'Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý'. Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, người thì ôm y bát của Ta, người thì trải chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng, 'Những người ngu si này sao lại không bền chí, đã tự mình thiết lập điều ước hẹn, rồi lại làm trái điều giao hẹn'. Ta biết như vậy rồi bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-

kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là "Bạn"[22].

"Ta nói với họ rằng, 'Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các ngươi đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là 'Bạn'. Vì sao vậy? Ta vì tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Họ nói với Ta rằng:

"–Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến, huống là ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu với gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè chăng?

"Ta lại nói rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, các ngươi trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chăng?

"Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời với Ta rằng:

"–Trước kia chúng tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu khuôn mặt sáng ngời.

"Ta lúc ấy nói với họ rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa, thành minh, thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là tám con đường chân chánh, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

"Rồi Ta lần lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai

---

22. Hán: khanh ư ngã 卿 於 我。 Pāli: āvusovādena ca samudācaranti, họ xưng hô với Ta là "āvuso" (Bạn, hay Hiền giả).

người thì ba người đi khất thực. Ba người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Khi giáo hóa cho ba người thì hai người đi khất thực. Hai người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy, họ tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế và vô thượng an ổn Niết-bàn; sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

"Rồi Thế Tôn lại nói với họ rằng:

"–Này năm Tỳ-kheo, có năm thứ công đức của dục, khả ái, khả lạc, khả ý, khả niệm, hoàn toàn tương ưng với dục. Đó là sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, chúng xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không biết sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết chúng nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng bị dây buộc chặt nên biết nó phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn, rơi vào tay thợ săn, bị lưới thợ săn quấn chặt, khi thợ săn đến, không thể trốn thoát. Cũng vậy, năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp, chúng đối với năm thứ diệu dục mà xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, chúng phải nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị dây ma trói xiết, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, những vị ấy đối với năm diệu dục, không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ không nghe theo ác ma, không làm theo ác ma, không bị rơi vào tay ác ma, không bị

lưới ma quấn chặt, không bị dây ma trói siết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng thoát khỏi trói buộc, nên biết nó không phải nghe theo thợ săn, không phải làm theo thợ săn, không rơi vào tay thợ săn, không bị lưới thợ săn quấn chặt, không bị dây thợ săn buộc siết. Khi thợ săn đến, nó có thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp, vị ấy đối với năm công đức của đục không xúc, không nhiễm, không tham không trước, cũng không kiêu ngạo mà thọ nhập, mà thấy sự nguy hiểm, thấy sự xuất yếu. Nên biết những người ấy không phải nghe theo ác ma, không phải làm theo ác ma, không rơi vào tay ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma buộc siết, bèn thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, nếu lúc Như Lai xuất hiện trong thế gian, là Bậc Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ.

Vị ấy với định tâm thanh tịnh, như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật đây là Khổ, biết như thật đây là Khổ tập, biết như thật đây là Khổ diệt, đây là Khổ diệt đạo. Biết như thật đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vị ấy đã tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vị ấy tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, cũng như trong khu rừng vắng, nơi không có bóng người, ở đó nai rừng tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Nai rừng ấy không nằm trong cảnh giới của thợ săn. Cho nên nó tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều

cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy lúc bấy giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vì vị ấy tự mình thấy vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận, cho nên tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, đó gọi là giải thoát vô dư, đó gọi là sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đó gọi là sự không già không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn."

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

❑

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Ta đã từng nói năm hạ phần kết[2], các ngươi có thọ trì chăng?"

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Thế Tôn lại hỏi đến lần thứ ba:

"Ta đã từng nói năm hạ phần kết, các ngươi có thọ trì chăng?"

Các Tỳ-kheo im lặng không trả lời đến lần thứ ba. Lúc bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử[3], từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Thế Tôn đã từng nói năm hạ phần kết. Con có thọ trì."

Thế Tôn hỏi:

"Này Man Đồng tử, Ta đã từng nói năm hạ phần kết, ngươi có thọ trì chăng?"

Tôn giả Man Đồng tử đáp:

"Thế Tôn nói dục là hạ phần kết thứ nhất, con thọ trì như vậy. Nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi, Thế Tôn nói nghi là hạ phần kết thứ năm, con thọ trì như vậy."

---

1. Tương đương Pāli: M.64. Mahā-Māluṅkya-suttaṃ.
2. Ngũ hạ phần kết 五下分結。*Hạ phần*, chỉ cho Dục giới, năm loại kết sử đưa đến sự tái sanh ở dục giới. Cũng gọi là *Ngũ thuận hạ phần kết*. Pāli: Pañc'orambhāgiyāni saṃyojanāni.
3. Man Đồng tử 鬘童子。Pāli: Māluṅkyāputta, con một đại thần của vua nước Kosala. Trước kia Tôn giả tu theo ngoại đạo. Sau tu theo Phật và chứng đắc A-la-hán. Kinh này tất nhiên được nói trước khi Tôn giả chứng A-la-hán.

Thế Tôn quở rằng:

"Man Đồng tử, ngươi sao lại thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy? Man Đồng tử, ngươi nghe từ miệng ai mà thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kết như vậy?"

"Này Man Đồng tử, há không phải số đông các người dị học cật vấn chỉ trích ngươi với thí dụ về trẻ nít sơ sanh này chăng? Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính[4] của chúng nên nói là dục sử[5]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm về quấn chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trọng bản tính của nó, nên nói là nhuế sử[6]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến sử[7]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có há lại có tâm quấn chặt nơi giới chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ sử[8]. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi sử[9]. Há không phải số đông các dị học đem thí dụ con nít mới sanh này mà chỉ trích cật vấn ngươi chăng?"

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Thế Tôn quở trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời lẽ biện bạch, suy nghĩ mông lung. Thế Tôn sau khi mắng Tôn giả Man Đồng tử ngay mặt rồi, ngồi im lặng. Lúc ấy Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt quạt Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

---

4. Nguyên Hán: bỉ tính sử cố. Pāli: anusetvevassa kāmarāgānusayo, dục ái tùy miên tiềm phục nơi nó. Pāli dùng động từ anuseti (nằm ngủ, tiềm phục) nêu rõ ý nghĩa phiền não được gọi là tùy miên (anusaya).
5. Dục sử 欲 使; Pāli: kāmarāgānusayo, dục ái tùy miên.
6. Nhuế sử 恚 使; Pāli: vyāpādānusayo, sân tùy miên.
7. Thân kiến sử 身 見 使; Pāli: sakkāyadiṭṭhānusayo, hữu thân kiến tùy miên.
8. Giới thủ sử 戒 取 使; Pāli: sīlabbataparāmāsānusayo, giới cấm thủ tùy miên.
9. Nghi sử 疑 使; Pāli: vicikicchānusayo, nghi tùy miên.

"Bạch Thế Tôn, hôm nay thật đúng lúc, bạch Thiện Thệ nay thật đúng lúc, nếu nói cho các Tỳ-kheo nghe năm hạ phần kết. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo léo thọ trì."

Thế Tôn nói:

"Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Xin vâng lời lắng nghe."

Phật nói:

"A-nan, ở đây có một hạng người bị dục quấn chặt. Dục tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị nhuế quấn chặt. Nhuế tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly sân nhuế càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị thân kiến quấn chặt. Thân kiến tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, thân kiến càng tăng thạnh, không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị giới thủ quấn chặt. Giới thủ tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, giới thủ càng tăng thạnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"A-nan, ở đây có một hạng người bị nghi quấn chặt. Nghi tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly, nghi càng tăng thạnh. Không thể chế trừ. Đó là hạ phần kết.

"Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên đạo tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

"A-nan, cũng như có người muốn tìm một cái gì chắc thật[10]. Vì để tìm cái gì chắc thật nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ nơi thân mà tìm được cái gì chắc thật mang về, thì trường hợp

---

10. Thật 實 ; Pāli: sāra, vừa có nghĩa *chắc thật*, vừa có nghĩa *lõi cây*.

này không thể có. Cũng vậy, này A-nan, phải y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

"Này A-nan, y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết, trường hợp này tất có.

"A-nan, cũng như một người muốn tìm cái gì chắc thật. Vì để tìm cái gì chắc thật, nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, và lá với lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ, nơi thân và được cái chắc thật để mang về, trường hợp này chắc có. Cũng vậy này A-nan, y trên đạo và y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này và y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết trường hợp này tất có.

"Này A-nan, y trên đạo nào, y trên tích nào để đoạn trừ năm hạ phần kết? A-nan, hoặc có một hạng người bị dục quấn chặt. Nếu dục triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi dục triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nhuế quấn chặt; nếu nhuế triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Nếu biết như thật về sự xả ly rồi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. A-nan ở đây có một người bị thân kiến quấn chặt. Nếu thân kiến đã quấn chặt, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây có một người bị giới thủ quấn chặt. Nếu giới thủ triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, giới thủ triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nghi quấn chặt, nếu nghi triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt.

"Này A-nan, y trên đạo này, y trên đạo tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết.

"Này A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy suy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc bờ bên kia nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lội sang bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy

không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết người ấy cũng giống như người gầy yếu không sức lực kia.

"A-nan, cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này với nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia. Tự thân ta đủ sức để bình an lội qua bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn, mà có tâm thú hướng, thanh tịnh mà trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết, người này cũng như người có sức lực kia.

"Này A-nan, cũng giống như giòng nước lũ[11] rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ, mà ở quãng giữa không thuyền, không cầu, giả sử có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên tìm cách để qua. Khi tìm cách để qua, người ấy nghĩ rằng, 'Nay giòng nước lũ này rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ, ở khoảng giữa lại không có thuyền, không cầu để có thể qua. Với phương tiện để ta có thể bình an sang bờ bên kia. Ta có công việc ở bờ bên kia cần đi qua. Với phương tiện nào để ta có thể bình an qua bờ bên kia?' Rồi người ấy lại nghĩ rằng, 'Bây giờ ở bờ bên này ta hãy thu lượm cỏ, cây buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang'. Người ấy bèn ở bên này thu lượm cỏ cây buộc lại làm thành chiếc bè, rồi bình an bơi sang bờ bên kia. Cũng vậy, này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ.

---

11. Nguyên Hán: sơn thủy, nước trên núi đổ xuống. Xem thí dụ về chiếc bè trong kinh 200 trên.

Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng[12], không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc

---

12. *Hữu ngại tưởng*; những nơi khác cũng trong bản Hán này, nói là *hữu đối tưởng*. Những tưởng tương ưng với nhãn thức thuộc *sắc tưởng*. Những tưởng tương ưng với bốn thức tiếp theo thuộc *hữu đối tưởng*, (giải thích của Pháp Uẩn 8, No.1537, Đại tr.488c).

Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này[13]. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

"Cũng như cách thôn không xa có một bụi chuối to lớn, nếu có một người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xả làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xả làm mười phần hoặc trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy, quán sát thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

"Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo y trên y, thiết lập y, giảng thuyết về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận."

Thế Tôn nói:

"Thật vậy, A-nan! Thật vậy, A-nan! Thật là kỳ lạ. Thật là hy

---

13. Một vị đã diệt trừ *năm hạ phần kết*, sẽ không còn nguyên nhân để tái sanh *(chấp thủ* hay *thọ)* dục giới.

hữu, Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng vượt chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao vậy? Vì sự thắng liệt nơi mỗi người cho nên sự tu học có tinh, có thô. Do sự tu học đạo có tinh có thô, cho nên mỗi người có sự thắng liệt khác nhau. A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng liệt khác nhau."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

206. KINH TÂM UẾ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ tạp uế[2] trong tâm, không cởi bỏ năm sự trói buộc[3] trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đó được nói đến với pháp tất thối.

"Thế nào là không nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm?

"Ở đây có một hạng người nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín[4]. Nếu hạng người nào nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín. Đó gọi là không nhổ sạch loại tâm tạp uế thứ nhất, nghĩa là đối với Thế Tôn[5]. Cũng vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn[6], hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh, được Thế Tôn khen ngợi mà sân nhuế, mạ lỵ, lăng nhục, xúc não, xâm hại, không ngộ

---

1. Tương đương Pāli: M.16. Cetekhila-suttaṃ. Tham chiếu *Tập Dị Môn Luận 12* (No.1536, Đại 26 tr.416b-19c: "Ngũ tâm tài, và ngũ tâm phược".)
2. Uế 穢; *Tập Dị Môn Luận*, sđd., nt.: Tài 栽 cọc nhọn. Pāli: khīla
3. Phược 縛, xem cht. 1 trên. Pāli: cetasovinibandha.
4. Bất khai ý, bất giải ý, ý bất tĩnh 不開意不解意意不靜; *Tập dị* (sđd., nt.): Bất ngộ nhập, vô thắng giải, vô tịnh tín, Ý bất tĩnh 意不靜, ý không ổn định, không tin tưởng. Pāli: nādhimuccati na sampasīdati.
5. Tập Dị (sđd., nt.): "Đối với Đại sư mà cọc nhọn trong tâm chưa đoạn, chưa biến tri."
6. Giáo 教。Trong bản Pāli, thứ ba, Saṃghe kaṅkhati, nghi ngờ Tăng, thứ tư, sikkhāya kaṅkhati, nghi ngờ học giới.

nhập, không quyết đoán, không tịnh tín, đó là loại tâm tạp uế thứ năm không được nhổ sạch, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hanh.

"Thế nào là không cởi bỏ năm sự trói buộc trong tâm?

"Ở đây có một hạng người thân chưa ly nhiễm, chưa ly dục, chưa ly khát, chưa ly ái. Nếu ai thân chưa ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải[7] trong nỗ lực tinh tấn[8], và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm phược thứ nhất, nghĩa là nơi thân.

"Lại nữa, nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, vị ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa đó gọi là tâm phược thứ hai, nghĩa là nơi dục.

"Lại nữa, có một hạng người, đối với điều được nói tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái mà nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về sự thiếu dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa nói về duyên khởi; những điều như vậy được Tỳ-kheo hay Sa-môn nói, nhưng tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải, không tinh tấn, không tĩnh tọa, đó gọi là loại tâm phược thứ ba, nghĩa là đối với thuyết.

"Lại nữa, thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi. Nếu ai thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu xa, không học hỏi, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh cần và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa, thì đó

---

7. Được hiểu là không có sự quyết tâm.

8. Nguyên Hán: tự phương tiện đoạn 自方 便 斷。

gọi là loại tâm phược thứ tư, nghĩa là đối với sự tụ hội.

"Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại không mong cầu thăng tiến, người đấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn, và chuyên cần tĩnh tọa, đó gọi là tâm phược thứ năm, nghĩa là đối với sự thăng tiến.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối vậy.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm, và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh.

"Thế nào là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm? Ở đây có một hạng người không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Nếu ai không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự nhưng ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín, đó là hạng người thứ nhất vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo huấn. Hoặc đối với những vị đồng phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà không sân nhuế, không lăng nhục, không xúc não, không sân hại, có ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo nhổ sạch tạp uế trong tâm, nghĩa là đối với các vị đồng phạm hạnh.

"Thế nào là khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm?

"Ở đây có một hạng người thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ nhất khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, nghĩa là đối với thân.

"Lại nữa, đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ hai khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với dục vậy.

"Lại nữa, có một hạng người, đối với những điều được thuyết giảng, tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái, nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi, những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo, mà người ấy tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ ba khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với thuyết vậy.

"Lại nữa, không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi, người ấy có tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội.

"Lại nữa, với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại, nhưng mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực, tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó gọi là hạng người thứ năm khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự thăng tiến vậy.

"Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Vị ấy an trụ nơi mười chi này rồi, lại tu tập thêm năm pháp. Thế nào là năm?

"Tu dục, định thành tựu đoạn như ý túc[9], y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm. Tu tinh tấn định, tâm định tư duy, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt y xả, thú hướng phi phẩm, và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham

---

9. Dục định tâm thành tựu đoạn như ý túc 欲定心成就斷如意足: có thể dư chữ *tâm*, hoặc nói là *Dục tam-ma-địa đoạn hành* (hay *thắng hành*) (*thành tựu thần túc*). Thần túc thứ nhất xem kinh 86 trên.

nhiệm cho đến mười lăm pháp này thành tựu tự thọ[10], chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng chánh giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

"Cũng như gà sanh mười trứng, hoặc mười hai trứng, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con nó sẽ lấy chân mà chọi, lấy mỏ mà mổ vỏ trứng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con đệ nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu, kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn đạt đến tri kiến, đến chánh đẳng giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói, không có sự kiện không đi đến Niết-bàn."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

10. Thành tựu tự thọ 成 就 自 受, với đầy đủ khả năng (?).

207. KINH TIỄN MAO (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đang an cư mùa mưa.

Bấy giờ trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác y ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học trong rừng Khổng tước[2]. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao[3] là một vị danh đức, là bậc Tông chủ, được nhiều người tôn làm Thầy, có tiếng tăm lớn, nhiều người kính trọng ông đang ở giữa đám đông ồn ào, lớn tiếng, âm thanh huyên náo, luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh[4], như: bàn chuyện vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện áo chăn, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đàn bà, bàn chuyện con gái, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế gian, bàn chuyện tà đạo, bàn chuyện trong biển; đại loại như thế, chúng tụ tập luận bàn đủ mọi đề tài súc sanh.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn dò chúng của mình rằng: "Này các ông, hãy ngồi im lặng, người đang đến kia là Sa-môn

---

1. Bản Hán, quyển 57. Tương đương Pāli, M.77. Mahā-sakuludāyi-suttaṃ.
2. Khổng tước lâm Dị học viên 孔雀林異學園, khu vườn cho các du sĩ, rừng nuôi công. Pāli: Moranivāpa paribbājakārāma.
3. Tiễn Mao 箭毛。 Pāli: Sakuḷudāyi, và kể thêm tên hai du sĩ khác: Varadhara, Anugāra.
4. Súc sanh luận 畜生論。 Pāli: tiracchāna-kathā, luận bàn phiếm, vô ích. Đoạn kế kể các đề tài được nói là súc sanh luận.

Cù-đàm. Đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể sẽ đến thăm."

Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chấp tay mà bạch Phật rằng:

"Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây. Mời Ngài ngồi xuống chỗ này."

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng: "Ưu-đà-di[5], các ông vừa bàn luận những gì, do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó gì."

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

"Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những vấn đề gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp nơi đây?"

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này. Nó không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe sau này nghe cũng không khó. Nhưng Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi cùng với số đông các Phạm chí nước Câu-tát-la cùng tụ tập ngồi ở học đường Câu-tát-la[6] bàn luận như vầy, "Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương-già Ma-kiệt-đà[7]! Thật tốt đẹp và lợi ích cho người nước Ương-già Ma-kiệt-đà! Chúng Đại phước

---

5. Ưu-đà-di 優陀夷, tức tên gọi lược của Tiễn Mao; xem cht.3 trên. Pāli: Udāyi.
6. Học đường 學堂。Pāli: Kutūhalasāla, nghị luận đường; chỉ nơi xảy ra cuộc thảo luận.
7. Ương-già Ma-kiệt-đà 鴦伽摩竭陀。Pāli: Aṅga-Magadhā, lúc này hai nước đang liên minh chính trị nên gọi chung như vậy.

điền[8] như thế cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá.

"Đó là có ngài Phất-lan Ca-diếp[9]. Vì sao? Bạch Cù-đàm, Phất-lan Ca-diếp là bậc Tông chủ danh đức, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, lãnh đạo đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa tại thành Vương xá này.

"Cũng vậy, Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi là danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương xá.

"Vừa rồi cùng bàn đến Sa-môn Cù-đàm rằng, 'Sa-môn Cù-đàm này là bậc danh đức Tông chủ, làm Thầy mọi người có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lĩnh đại chúng Tỳ-kheo được một ngàn hai trăm người tôn trọng, cũng cùng nhau an cư mùa mưa tại thành Vương xá này.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, 'Nay trong các Sa-môn, Phạm chí được tôn trọng này, ai là người được đệ tử cung kính, cúng dường, không bị đệ tử đúng theo pháp mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể có, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi?'

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mà mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử nạn vấn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi.

"Bạch Cù-đàm, thuở xưa Phất-lan Ca-diếp đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn, 'Các ông hãy dừng lại! Không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi, các ông không thể giải quyết việc này,

---

8. Chúng đại phước điền: những người là ruộng phước lớn, thường chỉ chúng Tỳ-kheo, nhưng ở đây cũng chỉ cho nhóm ngoại đạo khác.

9. Phất-lan Ca-diếp, Pāli: Pūrāṇa-Kassapa và năm vị kế tiếp: Makkhali-Gosāla. Sañjaya-Belaṭṭhiputta, Niganṭha-Nātaputta, Pakudha-Kaccāyana, được mệnh danh là Lục sư ngoại đạo. Về chủ trương của họ, xem kinh Sa-môn quả, No.1 (27) và D. 2.

nhưng ta có thể giải quyết được việc này'. Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận việc khác nữa, không chờ ngươi nói xong vấn đề. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường. Bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng: 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi liền bỏ đi.

"Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Sa-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phục Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, 'A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi này, không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường, bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi.

"Bạch Cù-đàm, thuở xưa A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn rằng, 'Các ông hãy dừng lại, không có ai đến hỏi các ông. Người ta hỏi tôi, các ông không thể giải quyết được việc này'. Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó, lại bàn luận việc khác không chờ ngươi nói xong. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi, không được đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường mà bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử vấn nạn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, Sa-môn Cù-đàm này được đệ tử hầu hạ, cung kính, tông trọng, cúng dường, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng 'Điều này hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi bỏ đi.

"Bạch Cù-đàm, thuở xưa Sa-môn Cù-đàm đã có lần nói pháp tại đại chúng, vô lượng trăm ngàn người vây quanh. Ngay bấy giờ có một người ngủ mà ngáy. Lại có một người bảo người kia rằng 'Đừng có ngủ ngáy. Ông không muốn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như cam lồ sao?' Người kia liền im lặng không gây tiếng động nữa.

"Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ, như vậy Sa-môn Cù-đàm được đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng, cúng dường, không bị đệ tử dùng pháp mạ lỵ mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử vấn nạn rằng 'Điều đó

hoàn toàn không thể được, không tương ưng, không chính đáng'. Nói rồi liền bỏ đi."

Thế Tôn nghe rồi liền hỏi Tiễn Mao rằng:

"Ưu-đà-di, ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử hầu hạ cung kính, tôn trọng và cúng dường, thường theo Ta không rời?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến đệ tử hầu hạ, cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời. Những gì là năm? Sa-môn Cù-đàm trí túc về thô y, khen ngợi tri túc về thô y. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về thô y, khen ngợi tri túc về vải thô, nên tôi thấy tri túc đó là pháp thứ nhất mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến cho hàng đệ tử phụng sự cung kính, tôn trọng cúng dường, thường theo không rời.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc đạm bạc. Bởi vì Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi về tri túc ăn uống đạm bạc, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ hai khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng cúng dường, phụng sự thường theo không rời.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Vì Sa-môn Cù-đàm ăn ít và khen ngợi sự ăn ít, nên tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có pháp thứ ba khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

"Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ. Vì Sa-môn Cù-đàm tri túc như vậy, nên tôi thấy đó là pháp thứ tư mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, thường theo không rời.

"Lại nữa Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và ngợi khen tĩnh tọa[10]. Vì vậy tôi thấy đó là pháp thứ năm mà Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành thường theo không rời.

"Đó là năm pháp mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng hành, thường theo không rời."

---

10. Yến tọa, ngồi nghỉ ngơi chỗ thanh vắng.

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính tôn trọng, cúng dường thừa sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, áo ta mặc được cắt theo con dao Thánh[11] và nhuộm màu sắc xấu xa. Như vậy, y Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Ưu-đà-di! Nhưng đệ tử Ta cũng có người trọn đời chỉ mặc áo phấn tảo do người ta bỏ, và cũng nói thế này, 'Thế Tôn ta tri túc về thô y', khen ngợi sự tri túc về thô y. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử ta nhận sự tri túc về thô y mà khen ngợi Ta, thì người đó do sự kiện này đã không cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn đồ ăn gạo nếp, nấu chín và không có hạt xép, vô lượng tạp vị. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử Ta có người trọn đời khất thực, ăn đồ ăn đã bỏ, cũng lại nói rằng, 'Thế Tôn ta tri túc về thô thực', khen ngợi tri túc về thô thực. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tri túc về ăn uống thô sơ, mà khen ngợi Ta, người ấy nhân sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây bệ-la[12] hoặc bằng nửa bệ-la. Nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha[13], hoặc bằng nửa câu-tha, cũng nói như vầy, 'Thế Tôn ăn ít, khen ngợi sự ăn ít'. Nếu đệ tử Ta nhân sự ăn ít mà khen ngợi Ta, người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự và theo Ta.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao, hoặc trên nhà rạp. Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mười tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời, cũng nói như vầy, 'Thế Tôn của Ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ nên khen ngợi Ta, thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Ta và cũng không theo Ta.

---

11. Để bản: Thánh lực 聖 力。 Tống-Nguyên-Minh: Thánh đao 聖 刀。
12. Bệ-la thực 鞞 羅 食。 Pāli:veḷuvāhāra, thức ăn bằng trái cây veḷuva, môt loại dưa (tên khoa học Aegle marmelos).
13. Câu-tha thực 拘 拖 食： kosāhāra, một bát cơm.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nhưng đệ tử của Ta có người quá nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh[14] cũng nói như vầy, 'Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta, vị ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta.

"Ưu-đà-di, Ta không có năm pháp này, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Ưu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự, thường theo không rời.

"Những gì là năm? Này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng[15], khen ngợi Ta rằng, 'Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì vị ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự thường theo Ta không rời.

"Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do vô thượng trí tuệ[16], khen ngợi Ta, 'Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ, nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp, Ngài đều khuất phục được. Nghĩa là đối với Chánh pháp luật, họ không thể nói. Đối với điều chính mình nói, họ cũng không thể nói'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử nhân vô thượng trí tuệ, mà khen ngợi Ta, vị ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, theo Ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến[17], khen ngợi Ta rằng, 'Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết; thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chớ không phải không duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả ly chứ không phải không xả ly'. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta, người

---

14. Pháp thanh tịnh, đây chỉ Giới bổn Tỳ-kheo, Pāli: Pātimokkhuddesāya, để tụng giới bổn Pātimokkha.
15. Vô thượng giới. Pāli: adhisīla, tăng thượng giới.
16. Vô thượng trí tuệ. Pāli: adhipaññā, tăng thượng tuệ.
17. Vô thượng tri kiến. Pāli: abhikkaantañāṇadassana, tri kiến siêu việt.

ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, do nhờm tởm mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ta liền trả lời về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ưu-đà-di, nếu có đệ tử đến hỏi Ta được trả lời xứng ý, khiến được hoan hỷ, người đó nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử hoặc nói Túc mạng trí thông, tác chứng, hoặc nói Lậu tận trí thông tác chứng minh đạt. Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta trong Chánh pháp luật này được thọ được độ, được đến bờ bên kia, không nghi không hoặc, ở trong thiện pháp không có do dự, người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, cúng dường, tôn trọng, phụng sự Ta, thường theo ta không rời.

"Này Ưu-đà-di, Đó là năm pháp Ta có khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo không rời."

Bấy giờ Dị học Tiễn Mao, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo mặt, chấp tay hướng về Phật bạch rằng: "Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ngài khéo nói những điều vi diệu thấm nhuần thân thể con cũng như cam lồ. Bạch Cù-đàm, cũng như mưa lớn, cõi đất này từ cao đến thấp thảy được thấm nhuần khắp cả. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm nói cho chúng tôi những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể chúng tôi cũng như cam lồ.

"Bạch Thế Tôn, tôi đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, hôm nay con tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay con trọn đời tự quy y cho đến mạng chung."

Phật thuyết như vậy. Dị học Tiễn Mao sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

208. KINH TIỄN MAO (II)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, ở Trúc lâm vườn Ca-lan-đa cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, an cư mùa mưa.

Bấy giờ, trải qua đêm, lúc vừa sáng, Thế Tôn mang y cầm bát vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn Dị học, trong rừng Khổng tước. Tại rừng Khổng tước, trong vườn Dị học, bấy giờ có một người Dị học tên là Tiễn Mao là một danh đức, bậc tông chủ, được mọi người tôn làm thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị này ở giữa một đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức là vấn đề vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về dưới biển và việc nước, việc dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp ngồi bàn luận về những vấn đề như súc sanh vậy.

Dị học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn đồ chúng của mình rằng: "Này các ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm, đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Ông ấy nếu thấy chúng ta im lặng, có thể đến thăm.

Dị học Tiễn Mao dặn đồ chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi.

Thế Tôn đi đến chỗ Dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ

---

1. Tương đương Pāli: M.79. Cūḷa-Sakuludāyi-sutta.

chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Kính chào Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngồi xuống chỗ này."

Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao và Thế Tôn, sau khi cùng nhau chào hỏi, rồi lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhau ngồi họp ở đây? Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa-môn Cù-đàm muốn nghe vấn đề này để sau này nghe cũng không khó gì."

Thế Tôn hỏi như vậy ba lần rằng:

"Ưu-đà-di, vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà nhóm họp ngồi đây?"

Dị học Tiễn Mao cũng đáp lại ba lần rằng:

"Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, nó không hay ho gì, Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe, sau này nghe cũng không khó. Nhưng nếu Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói[2].

"Bạch Cù-đàm, tôi có sách lự, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lự, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, khi nghe có người nói: 'Thật sự có Tát-vân-nhiên[3], thấy tất cả, biết tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi liền vấn sự vị ấy, nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Đây là những ai?'."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ông có sách lự, có tư duy; trụ trong trạng thái sách lự, trụ trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài, nhưng ai nói, 'Thật sự có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy' nhưng khi ông đến vấn sự, thì vị ấy không biết?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

---

2. Toàn cả đoạn trên, giống kinh 208.

3. Tát-vân-nhiên 薩云然; Pāli: sabaññu, hoặc âm là tá-bà-nhã: vị Nhất thiết trí; người hay đấng Toàn trí.

"Bạch Cù-đàm, đó là Bất-lan Ca-diếp. Vì sao? Bạch Cù-đàm, vì Bất-lan Ca-diếp tự cho là thật có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trụ trong sách lự, trụ trong tư duy có trí tuệ, có biện tài; tôi đến vấn sự. Nhưng vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế này, 'Đây là những ai?'

"Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi Tử, Bà-nhã Bệ-la-trì Tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phù Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi, các vị này cũng vậy. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi tự cho thật sự có Tát-vân-nhiên, biết tất cả thấy tất cả, không cái gì không biết, không cái gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trú trong sách lự, trú trong tư duy, có trí tuệ, có biện tài, tôi đến vấn sự những vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi khởi ý nghĩ rằng, 'Đây là những ai?'

"Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi lại suy nghĩ, 'Như vậy ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ. Sa-môn Cù-đàm ắt có thể đáp những việc quá khứ của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, hỏi những việc vị lai, Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ đáp những việc vị lai của ta. Lại nữa, ta tùy những việc mà hỏi cùng Sa-môn Cù-đàm, ắt Sa-môn Cù-đàm cũng tùy mà trả lời những việc ta hỏi."

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di! Thôi! Thôi, ông luôn luôn có dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, dị dục, dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước, trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, chết như vậy, từ đây sanh tử ra kia, từ kia sanh tử ra đây. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ chung như vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, Ta đáp việc quá khứ cho vị ấy. Ta cũng đến hỏi việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta tùy theo sự việc đó mà hỏi, vị đó cũng tùy theo việc Ta hỏi mà đáp.

"Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này, khi sanh khi chết, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự thọ

nghiệp của chúng mà thấy đúng như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu và ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt đến chỗ dữ, sanh vào trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu và ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vị lai cho họ; Ta cũng hỏi việc vị lai nơi họ, họ cũng đáp việc vị lai cho Ta; Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy theo việc Ta hỏi mà đáp."

Dị học Tiễn Mao bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu như vậy, tôi càng trở thành không biết, không thấy, càng trở thành ngu si, rớt vào ngu si. Nghĩa là vì Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ông luôn luôn dị kiến, dị nhân, dị lạc, dị dục và dị ý, nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Ưu-đà-di, Ta có đệ tử, có nhân có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành kiếp, vô lượng bại kiếp, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, mạng chung như vậy, từ đây sanh tử ra kia, từ kia sanh tử ra đây, Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống lâu như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, trú lâu như vậy, mạng chung nhự vậy. Vị ấy đến hỏi ta việc quá khứ, ta đáp việc quá khứ cho vị ấy; Ta cũng đến hỏi vị ấy việc quá khứ, vị ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta theo sự việc người đó hỏi mà đáp, người đó cũng tùy theo sự việc Ta hỏi mà đáp. Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử thanh tịnh thiên nhãn, vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi sanh khi tử, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay chỗ bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, người ấy

do nhân duyên này khi thân hoại mạng chung ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên trời. Người đó đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vị lai cho họ. Ta cũng hỏi việc vị lai nơi vị ấy, vị ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy việc Ta hỏi mà đáp'.

"Bạch Cù-đàm, tôi đối với đời sống này làm những gì đã làm, được những gì đã được, nhưng vẫn không thể nhớ huống gì có thể nhớ được sự việc trong vô lượng đời sống về trước, có nhân có duyên sao? Bạch Cù-đàm, tôi còn không thể thấy con quỷ Phiêu phong[4] thì làm gì mà được thiên nhãn thanh tịnh vượt qua người thường, thấy chúng sanh này khi chết, khi sống, sắc tốt, sắc xấu, đẹp hoặc không đẹp, đưa đến chỗ thiện hoặc chỗ bất thiện tùy sự tạo nghiệp của chúng sanh này, thấy đó như thật.

"Bạch Cù-đàm, tôi lại nghĩ như vầy, 'Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta vấn đề theo Thầy học pháp, hoặc giả có thể đáp khiến Ngài vừa ý."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ông theo Thầy học những pháp gì?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, người đó nói, 'Sắc vượt quá sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thượng[5]."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, sắc là gì?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng hơn, tối diệu hơn là tối thắng hơn; vậy sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, cũng như có người nói như vầy, 'Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó'. Nếu có người hỏi người đó như vầy, 'Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái

---

4. Phiêu phong quỷ 飄 風 鬼 ; Pāli: Pamsupisācaka, "quỷ bùn", một loại tì-xá-xà.

5. Pāli: ayaṃ paramo vaṇṇo ayaṃ paramo vaṇṇo ti, "sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng". *Sắc* (vaṇṇa) ở đây có nghĩa *màu sắc* hay *màu da*.

Sát-đế-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc?' Người đó đáp, 'Tôi không biết'. Người kia lại hỏi, 'Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vầy, 'Ta muốn được người con gái đó được ư'?'

"Cũng vậy, Ưu-đà-di, ông nói như vầy, 'Người đó nói sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thắng. Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết."

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói, 'Sắc đó vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh sáng đèn dầu tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và

lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa cây lớn đối với ánh sáng đốt đèn dầu thì ánh sáng lửa đống cây lớn tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ý ông thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đống cây lớn, trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám, hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của saoThái bạch đối với ánh sáng của lửa đống cây lớn, thì ánh sáng của sao Thái bạch tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng tỏa chiếu của mặt trăng nửa đêm không u ám, trong ánh sáng ấy, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời trong suốt, không u ám, trong hai ánh sáng ấy cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Ưu-đà-di, có rất nhiều chư Thiên; mà nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này, tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã cùng với chư Thiên tụ tập luận sự, nhưng những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: 'Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'.

Này Ưu-đà-di, còn ông đối với ánh lửa đom đóm, lửa sâu bọ, sắc rất tệ, rất xấu mà nói 'Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng,' và khi được hỏi lại không biết."

Dị học Tiễn Mao thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này[6]."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao mà nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói đó, bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói đó?'."

Dị học Tiễn Mao đáp:

"Bạch Cù-đàm, con nói như vầy, 'Sắc kia vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'. Sa-môn Cù-đàm nay khéo tra xét tôi, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến sự hư vọng của tôi không còn nữa. Bạch Cù-đàm, vậy nên con nói như vầy. 'Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện thệ con xin hối lỗi về lời nói này'."

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, 'Đời sau tuyệt đối lạc[7], có một đạo tích để chứng đắc[8] thế giới tuyệt đối lạc."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, thế nào gọi là hậu thế tuyệt đối lạc? Thế nào là có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, giả sử có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa trộm cắp tà dâm, nói láo; cho đến, xa lìa tà kiến được chánh kiến. Bạch Cù-đàm, đó gọi là đời sau tuyệt đối lạc, đó gọi là chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Thế Tôn lại bảo rằng:

---

6. Thế Tôn, hối quá thử thuyết. Pāli: acchidaṃ Bhagavā kathaṃ, Thế Tôn đã cắt đứt vấn đề.
7. Hậu thế nhất hướng lạc 後世一向樂。 Pāli: ekantasukho loko, thế giới nhất hướng lạc.
8. Pāli: atthi ākāravatī paṭipadā... sacchikiriyāyāti, có đường lối có cơ sở để thực chứng bản thân.

"Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, theo sự hiểu biết mà đáp. Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ thế nào? Nếu có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, người ấy là tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ[9]?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ."

"Nếu có một người xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến có chánh kiến, người ấy là tuyệt đối lạc, hay là hỗn tạp khổ?"

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, há không phải rằng hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng đắc thế giới?"

Dị học Tiễn Mao đáp:

"Bạch Cù-đàm, hỗn tạp khổ lạc như vậy là đạo tích chứng đắc thế giới vậy."

Dị học Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này."

Thế Tôn hỏi rằng:

"Ưu-đà-di, ông nghĩ thế nào mà nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này?'

Dị học Tiễn Mao đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, con vừa nói, 'Đời sau tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc'. Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến cho sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm, do đó con nói như vầy, 'Bạch Thế Tôn, con hối lỗi lời nói này. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi lời nói này'."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ưu-đà-di, đời quả có tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, thế nào là đời quả có tuyệt đối lạc? Thế nào là có một đạo tích chứng đắc tuyệt đối lạc?"

---

9. Tạp khổ 雜 苦。Pāli: sukhadukkhī, vừa sướng vừa khổ.

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di, nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu; người ấy đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp; có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy giác quán đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là được Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tạm thiền thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi:

"Bạch Cù-đàm, Trong đời, tuyệt đối lạc chỉ cùng cực là thế chăng?"

Thế Tôn nói:

"Trong đời, tuyệt đối lạc không chỉ cùng cực là thế. Ưu-đà-di, còn có đạo tích nữa chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi:

"Bạch Cù-đàm, thế nào là có đạo tích nữa chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc?"

Thế Tôn đáp:

"Ưu-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp; có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy giác quán đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là được Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiền thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc."

Dị học Tiễn Mao hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, phải chăng đệ tử của Sa-môn Cù-đàm vì thế giới tuyệt đối lạc, và vì đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới tuyệt đối lạc và vì chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo học phạm hạnh. Nhưng còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác để chứng đắc nữa."

Bấy giờ cả đại chúng này cùng lớn tiếng nói:

"Cái ấy là tối thượng, tối diệu, tối thắng; vì để chứng đắc cái ấy mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh."

Sau khi làm cho đại chúng của mình im lặng rồi, Phạm chí Tiễn Mao lại thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, cái gì là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy, mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học phạm hạnh?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Ưu-đà-di, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, và ưu, hỷ đã có từ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ. Ưu-đà-di, đó gọi là tối thượng tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo học phạm hạnh."

Bấy giờ Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn cúi đầu sát chân Phật. Ngay lúc đó các đệ tử dị học phạm hạnh của Dị học Tiễn Mao thưa với Dị học Tiễn Mao rằng: "Tôn giả nay đáng làm bậc Thầy mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư? Khi nào Tôn giả không đáng làm Thầy, rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm vậy."

Đó là các đệ tử của Dị học Tiễn Mao là chướng ngại cho Dị học Tiễn Mao đối với sự tu học phạm hạnh.

Phật thuyết như vậy. Dị học Tiễn Mao sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

209. KINH BỆ-MA-NA-TƯ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Dị học Bệ-ma-na-tu[2], sau giờ ngọ, thung dung đến chỗ Phật, chào hỏi xong, hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, sắc này hơn, sắc này hơn. Này Cù-đàm, sắc này hơn[3]."

Thế Tôn hỏi:

"Này Ca-chiên[4], đó là những sắc nào?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào không có sắc khác tối thượng, tối diệu, tối thắng hơn, Cù-đàm, sắc đó là tối thượng, sắc đó là tối thắng."

Thế Tôn bảo:

"Ca-chiên, cũng như có người nói như vầy, 'Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó'. Nếu có người hỏi người đó như vầy, 'Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái

---

1. Tương đương Pāli: M.80, Vekhannassa-suttaṃ. Biệt dịch No.90 Phật Thuyết Bệ-ma-túc kinh, Lưu Tống, Cầu-na-bạt-đà-la dịch.
2. Bệ-ma-na-tu 鞞摩那修。 No.90 Bệ-ma-túc. Pāli: Vekhanassa paribbājaka, thầy của Sakuludāyi. Sau khi Sakuludāyi bị khuất phục bởi Phật (xem kinh 208 trên) ông thân hành đến tìm hiểu sự thật.
3. Tối sắc; No.90: Hình sắc cực vô thượng diệu. Pāli: paramo vaṇṇo, "màu sắc là trên hết". Có lẽ chủ trương phân biệt sắc tộc. Xem cht.5, kinh 208 trên.
4. Ca-chiên 迦旃。 Pāli: Kaccana, họ của Vekhanassa.

Sát-đế-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam phương Bắc?' Người đó đáp, 'Tôi không biết'. Người kia lại hỏi, 'Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vầy, 'Ta muốn được người con gái đó được ư'?'

"Cũng vậy, Ca-chiên, ông nói như vầy, 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'. Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết."

Dị học Bệ-ma-na-tu thưa:

"Bạch Cù-đàm, cũng như tinh vàng tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài dũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng tấm lụa trắng đem giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu sáng lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'.

Thế Tôn bảo:

"Ca-chiên, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu biết mà đáp. Ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng lụa trắng, để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm tối thượng, tối thắng."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và ánh lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đống cây lớn trong đêm tối đối với ánh sáng đèn dầu thì ánh sáng lửa đống cây lớn sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đống cây

lớn trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám, ánh sáng nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái bạch đối với ánh sáng lửa đống cây lớn, thì ánh sáng sao Thái bạch sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng sáng hơn."

Thế Tôn hỏi:

"Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng vào nửa đêm trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa mặt trời vào mùa thu đứng ngay giữa bầu trời trong suốt không u ám, trong hai ánh sáng đó cái nào sáng hơn?"

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp:

"Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trời, so với ánh sáng của mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn."

Thế Tôn bảo rằng:

"Ca-chiên, có rất nhiều chư Thiên, nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư Thiên tụ tập luận sự. Những điều Ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, nhưng Ta không nói, 'Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.' Này Ca-chiên, còn ông, với lửa đóm, lửa sâu, sắc rất tệ xấu mà nói 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'. Và khi được hỏi lại nói không biết."

Ngay lúc đó dị học Bệ-ma-na-tu bị Thế Tôn quở trách trước mặt trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không còn lời nào biện bạch.

Sau khi Thế Tôn quở trách, muốn khiến ông ta hoan hỷ nên bảo:

"Này Ca-chiên, có năm công đức của dục[5], khả hỷ, khả ái, khả niệm, khả ái, có lạc tương ưng với dục[6]. Mắt nhận biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương vị, lưỡi biết mùi, và thân biết cảm xúc. Này Ca-chiên, sắc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với sắc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người ấy đối với sắc khác dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện cầu. Người đó cho sắc này là tối thắng tối thượng. Này Ca-chiên, thanh, hương, vị, xúc cũng lại như vậy. Này Ca-chiên, xúc hoặc có ái, hoặc không ái. Nếu có một người đối với xúc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người đó đối với những xúc khác, dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cần. Người đó cho xúc này là tối thượng, tối thắng vậy.

Bấy giờ Dị học Bệ-ma-na-tu chắp tay hướng về Phật bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm! Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay. Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói, 'Dục lạc, dục lạc đệ nhất'[7]. Bạch Cù-đàm, cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây, do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện, nói: 'Dục lạc, dục lạc đệ nhất'.

Thế Tôn bảo:

"Thôi! Thôi! Này Ca-chiên, ông là người vì luôn luôn có sở kiến dị biệt, nhẫn thọ dị biệt, sở thích dị biệt, ý dục dị biệt, ý hướng dị biệt[8], cho nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói.

"Này Ca-chiên, đệ tử Ta đầu hôm và cuối đêm thường không

---

5. Ngũ dục công đức 五欲功德。No.90: ngũ tánh dục. Pāli: Pañca-kāmaguṇā, năm phẩm chất hay yếu tố của dục vọng, chứ không phải phẩm chất của năm thứ dục vọng.

6. No.90: Cận dâm, nhiễm trước. Pāli: Kāmūpasamhitā rajanivā.

7. Dục lạc, dục lạc đệ nhất 欲樂欲樂第一。Pāli: kāmehi kāmasukham; kāmāsukhā kāmaggasukham tattha aggam akkhayāti, "do bởi các dục mà có lạc; từ lạc do dục ấy lạc dục tối thượng ấy được nói là tối thượng".

8. Dị kiến dị nhẫn dị lạc dị dục dị ý 異見異忍異樂異欲異意。Pāli: aññadiṭṭhena aññakhantikena aññarucikena aññatrayogena aññatrācariyakena, quan điểm dị biệt, tin tưởng dị biệt, sở thích dị biệt, sở hành dị biệt, tông sư dị biệt.

nằm ngủ, mà chánh định, chánh ý, tu tập đạo phẩm, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Những người ấy mới thấu triệt những điều Ta nói."

Ngay lúc đó dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn, và ông vu báng Thế Tôn như vầy, hạ nhục Thế Tôn như vầy:

"Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Vì sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'?"

Lúc đó Thế Tôn liền nghĩ rằng:

"Dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Ta, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Ta, muốn hạ nhục Ta, và vu báng Ta như vậy, hạ nhục Ta như vậy mà nói với Ta như vầy, 'Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Cù-đàm, tôi nghĩ như vầy, 'Vì sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'?'."

"Thế Tôn biết rồi bảo rằng:

"Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'; thì người đó phải nói như vầy, 'Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau'. Nhưng này Ca-chiên, Ta cũng nói như vầy, 'Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt,

mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yếu, nằm ngửa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa bé đó sau lớn lên, các căn thành tựu, cha mẹ lại cởi trói tay chân cho nó ra. Nó chỉ nhớ khi được cởi trói, chớ không nhớ khi bị trói.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối, mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như do dầu, do tim, mà đốt đèn, không có người thêm dầu, không có người đổi tim, dầu trước đã hết, sau lại không rót thêm thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

"Này Ca-chiên, cũng như có mười đống cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đống cây, dùng lửa mà đốt, tất cả đều bùng cháy, bèn thấy ngọn lửa. Đống lửa ấy nếu không có người thêm cỏ cây hoặc đổ thêm vỏ trấu vào củi trước đã hết, sau không thêm nữa, thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy.

"Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp."

Khi thuyết pháp này Dị học Bệ-ma-na-tu xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Lúc đó, Dị học Bệ-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà độ nghi, đoạn hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng đối với pháp của Thế Tôn, chứng được vô sở úy, cúi đầu sát chân Phật mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh."

Thế Tôn dạy:

"Thiện lai Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh! Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh. Tôn giả Bệ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc rồi, biết pháp, thấy pháp, cho đến chứng được quả vị A-la-hán.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Bệ-ma-na-tu và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC[1]

Tôi nghư như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc[2].

Bấy giờ có bà Ưu-bà-di Tì-xá-khư[3], đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc[4], cúi đầu lê dưới chân, rồi lui ngồi một bên, thưa rằng:

"Bạch Ni sư[5], tôi có điều muốn hỏi, mong Ni sư nghe cho chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tì-xá-khư, có điều gì xin cứ hỏi, sau khi nghe xong tôi sẽ suy nghĩ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư liền hỏi:

"Thưa Ni sư, tự thân[6], nói là tự thân; vậy thế nào là tự thân?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Thế Tôn nói năm thạnh ấm[7]. Tự thân là năm thạnh ấm. Đó là sắc thạnh ấm, là thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Đó là năm thạnh ấm được Thế Tôn nói."

---

1. Tương đương Pāli: M.44. Cūḷa-vedalla-suttaṃ.
2. Bản Pāli nói tại Rājagaha, Veḷuvana, Kalandakanivāpa.
3. Tì-xá-khư Ưu-bà-di 毗 舍 佉 優 婆 夷。 Trong bản Pāli: Visākho upāsako, nam cư sĩ Visākha chứ không phải nữ cư sĩ Visākha.
4. Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni 法 樂 比 丘 尼。 Pāli: Dhammadinnā bhikkhunī. Bà được xếp vào hàng những Tỳ-kheo-ni có tài biện thuyết. Trước kia bà là vợ của Visākha ở Rājigaha. Bản chữ Hán có thể nhầm Visākha này với Visākā, một nữ cư sĩ hộ đạo nhiệt thành ngang Cấp Cô Độc.
5. Hiền Thánh. Pāli: ayye, "bạch Thánh ni!"
6. Tự thân 有 身。 Pāli: sakkāya, hữu thân, hay "*tát-ca-da*".
7. Ngũ thạnh ấm, hoặc nói là *ngũ thủ uẩn*. Pāli: pañca upādānakkhandhā.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Bạch Ni sư, sao gọi là Tự thân kiến[8]?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
"Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết Thánh pháp, không chế ngự theo Thánh pháp[9], kẻ ấy thấy sắc là thần ngã, thấy thần ngã có sắc, thấy trong thần ngã có sắc, thấy trong sắc có thần ngã. Thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã. Đó gọi là thân kiến."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Bạch Ni sư, sao gọi là không thân kiến?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
"Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo léo chế ngự trong Thánh pháp, kẻ ấy không thấy sắc là thần ngã, không thấy thần ngã có sắc, không thấy trong sắc có thần ngã, không thấy trong thần ngã có sắc. Không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã. Đó gọi là không thân kiến."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Bạch Ni sư, sao gọi là diệt tự thân?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
"Sắc thạnh ấm bị đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Đó là tự thân diệt."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

---

8. Tự thân kiến 自 身 見, cũng nói là hữu thân kiến, hay *tát-ca-da tà kiến*, có hai mươi trường hợp. Pāli: sakkāya-diṭṭhi.
9. Bất ngự Thánh pháp 不 御 聖 法。Pāli: ariyadhamme avinīto.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, ấm nói là thạnh ấm, thạnh ấm nói là ấm. Ấm tức là thạnh ấm, hay thạnh ấm tức là ấm? Ấm khác với thạnh ấm chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Hoặc ấm tức là thạnh ấm. Hoặc ấm chẳng phải là thạnh ấm. Sao gọi là ấm tức là thạnh ấm? Nếu sắc hữu lậu, được chấp thủ[10]; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, thì nói ấm tức là thạnh ấm.

"Thế nào nói ấm tức chẳng phải là thạnh ấm? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, thì nói ấm chẳng phải là thạnh ấm."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, thế nào là Thánh đạo tám chi?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Thánh đạo tám chi là từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó gọi là Thánh đạo tám chi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Thánh đạo tám chi là hữu vi chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Đúng vậy, Thánh đạo tám chi là hữu vi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư." Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Bạch Ni sư, có bao nhiêu tụ?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Có ba tụ là giới tụ, định tụ và tuệ tụ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

Bạch Ni sư, Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ hay ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi?"

---

10. Hán: hữu thọ 有 受。

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Không phải Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ, nhưng ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được nhiếp về Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi này được thâu nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, ba chi này thân nhiếp vào Thánh tuệ tụ. Đó là nói rằng không phải Thánh đạo tám chi ba tụ, nhưng ba tụ nhiếp Thánh đạo tám chi."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư." Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

"Bạch Ni sư, diệt là hữu đối chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Diệt là vô đối."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành, lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Sơ thiền có bao nhiêu chi?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

"Sơ thiền có năm chi là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm[11]. Đó là năm chi của Sơ thiền."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại thưa:

"Bạch Ni sư, sao gọi là đoạn, sao gọi là tưởng, sao gọi là định lực, sao gọi là định công, sao gọi là tu định[12]?"

Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni đáp rằng:

"Nếu có thiện tâm thuần nhất[13] được gọi là định. Bốn niệm xứ

---

11. Giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm; hay tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm hay tâm nhất cảnh tánh. Pāli: vitakka, vicāra, pīti, sukha, cittekaggatā.

12. *Đoạn*, theo trả lời đây là định. Pāli: samādhi (định), samādhinimittā (định tướng), samādhiparikkhāra (định lực, định công hay tư trợ, tư cụ của định), samādhibhavana (định tu, tu định).

13. Đắc nhất 得 — hay nói là t*âm nhất cảnh tánh*, hay *tâm nhất thú tánh*. Pāli: ekaggatā.

được gọi là định tưởng. Bốn chánh đoạn được gọi là định lực. Bốn như ý túc được gọi là định công. Nếu tu tập các thiện pháp này rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần, đó gọi là tu định.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, có bao nhiêu sự kiện mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Có ba sự kiện khiến sanh thân sau khi chết, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến sanh thân sau khi chết thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong, khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Chết là mạng đã dứt, hơi ấm lìa thân, các căn bại hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân, các căn không bại hoại. Đó là sự khác biệt giữa một người chết và nhập diệt tận định."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người diệt tận định và một người nhập vô tưởng định khác nhau thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Một người nhập diệt tận định thì tưởng và tri[14] đều diệt còn một người nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa một người nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

---

14. Tưởng tri 想 知, hay tưởng và thọ. Pāli: saññā-vedayita.

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra khác nhau như thế nào?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo từ diệt tận định ra không khởi suy nghĩ này, 'Ta từ diệt tận định ra'. Tỳ-kheo khi từ vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ này, 'Ta là hữu tưởng? Hay ta là vô tưởng?' Đó là sự khác nhau giữa một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định có khởi ý nghĩ rằng, 'Ta nhập diệt tận định không'?"

Pháp lạc Tỳ-kheo đáp:

"Tỳ-kheo khi nhập diệt tận định không khởi ý nghĩ rằng, 'Ta nhập diệt tận định,' nhưng do theo tâm thức đã tu tập từ trước, y như vậy mà tiến tới."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, tỳ-kheo từ diệt tận định ra có khởi ý nghĩ rằng, 'Ta từ diệt tận định ra' hay không?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo khi từ diệt tận định ra không khởi ý nghĩ, 'Ta từ diệt tận định ra", nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn, cho nên từ định mà ra."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc những gì? Thú hướng những gì? Và thuận những gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Tỳ-kheo từ diệt tận định ra, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và tùy thuận viễn ly."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư có bao nhiêu thọ[15]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Có ba thọ, là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Chúng duyên vào đâu mà có? Duyên vào xúc[16]."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, thế nào là cảm thọ lạc? Thế nào là cảm thọ khổ, và thế nào là cảm thọ không khổ không lạc?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Nếu lạc được cảm xúc bởi lạc xúc[17] mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi khổ xúc mà sanh, thân và tâm cảm thọ khổ, không khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi xúc không khổ không lạc mà sanh, thân và tâm cảm thọ không khổ không lạc, không phải khoái cảm hay không khoái cảm, thì cảm thọ này gọi là cảm giác không lạc không khổ."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, Đối với cảm thọ lạc, thế nào là lạc? Thế nào là khổ? Thế nào là vô thường? Thế nào là tai hoạn? Thế nào là sử? Đối với cảm thọ khổ, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử? Đối với cảm thọ không khổ không lạc, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai hoạn, thế nào là sử[18]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

---

15. Hán: giác 受, tức thọ, hay cảm thọ. Pāli: vedanā.
16. Hán: cánh lạc 更 樂。Pāli: phassa.
17. Lạc cánh lạc sở xúc sanh 樂 更 樂 所 觸 生。
18. Sử 使, kết sử, hay *tùy miên*. Pāli: anusaya.

"Đối với cảm thọ lạc, sanh là lạc, trụ là lạc; biến dịch là khổ; vô thường tức là tai hoạn, và dục là sử; đối với cảm thọ khổ, sanh là khổ, trụ là khổ, biến dịch là lạc, vô thường tức là tai hoạn, sân nhuế là sử. Đối với cảm thọ không khổ không lạc, khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là biến dịch và vô minh là sử vậy."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, phải chăng tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử[19]? Tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử[20]? Tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử[21]?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Không phải tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử, không phải tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử; không phải tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử. Vì sao cảm thọ lạc không phải là dục sử? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ lạc không phải là dục sử. Vì sao vậy? Vì đã đoạn dục. Vì sao cảm thọ khổ không phải là nhuế sử? Như mong cầu vô thượng giải thoát lạc, do sự nguyện cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Đó là cảm thọ khổ không phải là nhuế sử. Vì sao? Vì nó đoạn sân nhuế. Vì sao cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã có trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử. Vì sao? Vì nó đoạn vô minh."

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"

Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:

"Bạch Ni sư, cảm thọ lạc đối đãi với cái gì?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Cảm thọ lạc lấy cảm thọ khổ làm đối đãi."

---

19. Dục sử 欲 使, hay tham dục tùy miên. Pāli: rāgānusaya.
20. Nhuế sử 恚 使, hay sân tùy miên. Pāli: paṭighānusaya.
21. Vô minh sử 無 明 使, hay vô minh tùy miên. Pāli: avijjānusaya.

Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, cảm thọ khổ đối đãi với cái gì?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:
"Cảm thọ khổ lấy cảm thọ lạc làm đối đãi."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, cảm thọ vừa lạc vừa khổ đối đãi với cái gì?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:
"Cảm thọ lạc khổ lấy không khổ không lạc làm đối đãi."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, cảm thọ không khổ không lạc đối đãi với cái gì?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:
"Cảm thọ không khổ không lấy vô minh làm đối đãi."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, vô minh đối đãi với gì?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:
"Vô minh lấy minh làm đối."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, minh đối đãi với gì?"
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:
"Minh lấy Niết-bàn làm đối."
Ưu-bà-di Tì-xá-khư nghe xong khen rằng:
"Hay thay! Hay thay! Bạch Ni sư!"
Ưu-bà-di Tì-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi rằng:
"Bạch Ni sư, Niết-bàn đối đãi với cái gì?"
"Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng:

"Ông[22] muốn hỏi những việc vô cùng, nhưng việc ông hỏi không thể cùng tận giới hạn của tôi được. Niết-bàn không có đối đãi. Niết-bàn không có quái ngại, vượt qua quái ngại, diệt trừ quái ngại, do nghĩa này nên tôi theo Thế Tôn hành phạm hạnh."

Bấy giờ Ưu-bà-di Tì-xá-khư, khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc nói, khéo léo thọ trì, tụng tập, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiễu ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc sau khi tiễn Ưu-bà-di Tì-xá-khư đi cách đó không lâu, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng một bên, đem hết những điều thảo luận cùng Ưu-bà-di Tì-xá-khư bạch lại với Phật, chấp tay thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, con nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Thế Tôn chăng? Nói chân thật, nói như pháp, không có trái nhau, không có tranh cãi, nhầm lẫn chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Tỳ-kheo-ni, ngươi nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Ta, ngươi nói chân thật, ngươi nói như pháp, nói theo thứ lớp của pháp. Đối với như pháp, không có chống trái nhau, không tranh, không lỗi vậy. Này Tỳ-kheo-ni, nếu Ưu-bà-di Tì-xá-khư đến hỏi Ta, Ta cũng bằng những văn cú như vậy, Ta cũng trả lời Ưu-bà-di Tì-xá-khư bằng nghĩa này, bằng văn cú này. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa này đúng như ngươi đã nói, ngươi cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao, những lời này tức là giáo nghĩa vậy."

Phật thuyết như vậy, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và chư Tỳ-kheo nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

22. Hán: quân 君。Có thể nam, có thể nữ. Có sự bất nhất về phái tính nhân vật trong bản Hán. Pāli: avuso.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử vào lúc xế từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la[2], chào hỏi nhau xong rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Xá-lê Tử nói rằng:

"Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả nghe cho chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, bất thiện, được nói là bất thiện; bất thiện căn, được nói là bất thiện căn. Thế nào là bất thiện? Thế nào là bất thiện căn?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thân ác hành, khẩu và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó là bất thiện và bất thiện căn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Hay thay! Lành thay! Hiền giả Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Câu-hy-la, thiện, được nói là thiện; thiện căn, được nói

---

1. Tương đương Pāli. M.43. Mahā-vedalla-suttaṃ. Phần lớn, những vấn đề được thảo luận trong kinh, đối chiếu và xem chú thích ở kinh 210 trên.
2. Ma-ha Câu-hy-la 摩訶拘絺羅。Pāli: Mahā-Koṭṭhika.

là thiện căn. Thế nào là thiện? Thế nào là thiện căn?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn vậy. Đó là thiện và thiện căn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Trí tuệ, được nói là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Biết như vậy, cho nên nói là trí tuệ. Biết những gì? Biết như thật 'Đây là Khổ', biết như thật 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt Đạo'. Biết như vậy cho nên được nói là trí tuệ."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thức, được nói là thức; thế nào là thức?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Thức, nhận thức, cho nên nói là thức[3]. Nhận thức những gì? Nhận thức sắc, nhận thức thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức, nhận thức, cho nên nói là thức."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ và thức, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng[4]?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt. Không thể thi thiết hai pháp ấy riêng rẽ. Vì sao vậy? Những gì được biết bởi trí tuệ

---

3. Thức thức, thị cố thuyết thức 識識是故說識。Pāli: vijānāti vijānātī'ti kho āvuso tasmā viññāṇan ti vuccati.

4. Pāli: labbhā ca panimesaṃ dhammānaṃ vinibbhujitvā vinibbhujitvā nānākaraṇaṃ paññāpetun ti, có thể chăng sau khi phân tích rồi phân tích các pháp này mà giả thiết hành tướng sai biệt của chúng?

cũng được biết bởi thức. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng rẽ."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, người biết, ngài lấy gì để biết?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Biết, tôi do trí tuệ mà biết."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Tôn giả Đại Câu-hy-la!"

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa gì? Có sự thù thắng gì? Có công đức gì?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Trí tuệ có nghĩa yểm ly, có nghĩa vô dục, có nghĩa thấy như thật[5]."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là chánh kiến?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Đó gọi là chánh kiến."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh chánh kiến?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân, có hai duyên sanh chánh kiến."

---

5. Pāli: paññā kho āvuso abhiññatthā pariññatthā pahānatthā ti, trí tuệ có nghĩa *thắng tri*, có nghĩa *biến tri*, có nghĩa *đoạn trừ*.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả; đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm? Một là được thâu nhiếp bởi chân đế, hai là được thâu nhiếp bởi giới, ba là được thâu nhiếp bởi bác văn, bốn là được thâu nhiếp bởi chỉ, năm là được thâu nhiếp bởi quán. Đó gọi là năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, như thế nào sanh sự hữu trong tương lai[6]?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Phàm phu ngu si, vô tri, không đa văn, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói buộc, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, đó gọi là làm phát sanh sự hữu trong tương lai."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là không sanh sự hữu trong tương lai?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh, tất diệt tận khổ. Đó gọi là không phát sanh sự hữu trong tương lai."

---

6. Đương lai hữu 當 來 有。Pāli: āyatiṃ punabbhavābhimibbatti, sự tái sanh xảy ra trong tương lai.

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:
"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."
Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ?"
Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:
"Có ba thọ, là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Thọ này duyên đâu mà có? Duyên xúc mà có."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:
"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la!"
Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Hiền giả Đại Câu-hy-la, thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết ba pháp này riêng biệt chăng?"
Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:
"Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:
"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."
Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Diệt có sự đối ngại gì?"
Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:
"Diệt không có sự đối ngại."
Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:
"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."
Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có năm căn với hành dị biệt[7], cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn hành tướng dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng. Vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm sở y cho chúng?"

---

7. Hành dị 行異。Pāli: nānāgocarāni, có môi trường hoạt động sai biệt, sai biệt sở hành cảnh giới.

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Năm căn với hành tướng dị biệt, với cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Năm căn này với hành tướng riêng biệt, với cảnh giới riêng biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; ý lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng. Ý làm sở y cho chúng."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Ý nương tựa vào đâu mà tồn tại?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Ý nương tựa vào tuổi thọ mà tồn tại."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng:

"Tuổi thọ nương vào hơi ấm mà tồn tại."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết hai pháp này riêng biệt chăng?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tuổi thọ và hơi ấm hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Vì sao? Nhân tuổi thọ mà có hơi ấm; nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu do bấc mà đốt được đèn; và ở đây do ngọn mà có ánh sáng, do ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba pháp khi sanh thân chết rồi bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp này sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Chết là thọ mạng đã diệt, hơi nóng ấm đã đi, các căn tan rã. Tỳ-kheo nhập diệt tận định, tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa đi, các căn chưa tan rã. Chết và nhập diệt tận định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tưởng và tri đã diệt. Tỳ-kheo nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, ra khỏi diệt tận định và ra khỏi vô tưởng định khác nhau như thế nào?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định không nghĩ như vầy, 'Ta ra khỏi

diệt tận định'. Tỳ-kheo ra khỏi vô tưởng định suy nghĩ như vầy, 'Ta có tưởng hay ta không có tưởng?' Ra khỏi diệt tận định và vô tưởng định khác nhau như vậy."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt pháp nào, thân hành, khẩu hành hay ý hành?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt thân hành, kế đến khẩu hành và sau hết là ý hành."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, pháp nào phát sanh trước hết? Thân hành, khẩu hành hay ý hành?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, trước hết sanh thân hành, kế đến sanh khẩu hành và sau cùng sanh ý hành."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định, xúc bao nhiêu loại xúc?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Tỳ-kheo ra khỏi diệt tận định, xúc ba loại xúc. Những gì là ba? Một là xúc không di động; hai là xúc vô sở hữu; ba là xúc vô tướng. Tỳ-kheo khi ra khỏi diệt tận định xúc ba loại xúc này."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nhau về nghĩa, về văn? Hay cùng một nghĩa một văn?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong, khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh bất động định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh bất động định. Những gì là bốn? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ. Đó gọi là bốn nhân bốn duyên phát sanh bất động định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô sở hữu định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba nhân, ba duyên phát sanh vô sở hữu định. Những gì là ba? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng cho đến chứng đắc vô sở hữu xứ thành tựu an trụ. Đó gọi là ba nhân ba duyên phát sanh vô sở hữu định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không suy niệm tất cả mọi tưởng, hai là suy niệm vô tưởng giới. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tưởng định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên trụ vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có hai nhân, hai duyên trụ vô tưởng định. Những gì là hai? Một

là không niệm tất cả tưởng, hai là niệm vô tưởng giới. Đó là hai nhân duyên hai duyên trụ vô tưởng định."

Tôn giả Xá-lê Tử nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Hiền giả Đại Câu-hy-la."

Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

"Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân bao nhiêu duyên ra khỏi vô tưởng định?"

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:

"Có ba nhân ba duyên ra khỏi vô tưởng định. Những gì là ba? Một là niệm tất cả tưởng; hai là không niệm vô tưởng giới; ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên ra khỏi vô tưởng định."

Như vậy, hai vị Tôn giả tán thán lẫn nhau rằng: "Lành thay! Lành thay!" và những điều được thảo luận đó, hoan hỷ phụng hành, rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

❑

PHẨM THỨ 18: PHẨM LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ
213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM
214. KINH BỆ-HA-ĐỀ
215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC
216. KINH ÁI SANH
217. KINH BÁT THÀNH
218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)
219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)
220. KINH KIẾN
221. KINH TIỄN DỤ
222. KINH LỆ

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cức thích[2].

Bấy giờ vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc[3] nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại Uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ cức thích. Sau khi nghe như vậy, vua nước Câu-tát-la, Ba-tư-nặc, bảo một người rằng: "Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay mặt ta mà thăm hỏi rằng, 'Thánh thể có khương cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?' Rồi nói như vầy, 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc, kính lời thăm hỏi rằng 'Thánh thể được khang cường, an lạc không tật bệnh đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?' Ngươi lại nói thêm rằng, 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp'." Người ấy lãnh giáo đến chỗ Phật, cùng Ngài chào hỏi rồi lui ngồi một bên mà thưa rằng:

"Bạch Cù-đàm, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Thánh thể được khang cường, an lạc không tật bệnh, đi đứng thoải mái khi lực như thường chăng? Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp."

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Mong vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc được an ổn khoái lạc. Mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-tháp-hòa, La-sát và mọi loài khác

---

1. Tương đương Pāli, M.90. Kaṇṇakatthala-suttaṃ.
2. Uất-đầu-tùy-nhã 鬱 頭 隨 若。 Pāli: Ujuññā, một quận lỵ tại xứ Kosala. Phổ cức thích 普 棘 刺； Pāli: Kaṇṇakatthala, là vườn Nai trong quận này.
3. Câu-tát-la vương Ba-tư-nặc 拘 薩 羅 王 波 斯 匿。 Pāli: Kosala-rājan Pasenadi.

cũng được an ổn khoái lạc. Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến xin cứ tự tiện tùy ý."

Lúc đó sứ giả nghe Phật nói, ghi nhớ kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu ba vòng rồi lui về.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đứng sau lưng Đức Thế Tôn, quạt hầu Phật. Sau khi người sứ giả đi rồi, Đức Thế Tôn quay lại bảo rằng:

"Này A-nan, ông cùng Ta sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, vào trong chỗ kín đáo ấy. Hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, nhất tâm, không loạn động, muốn nghe và thọ lãnh Chánh pháp."

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

"Kính vâng."

Rồi Đức Thế Tôn dẫn A-nan sang ngôi nhà lớn hướng phía Đông kia, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn chỗ ngồi ở chỗ kín đáo, trải ni-sư-đàn và kiết già mà ngồi.

Lúc đó sứ giả trở về chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la thưa:

"Tâu Thiên vương, tôi đã thông báo cho Sa-môn Cù-đàm và Sa-môn Cù-đàm đang chờ Thiên vương. Cúi xin Thiên vương nên biết đúng thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo người đánh xe rằng:

"Ngươi hãy sửa soạn xa giá. Hôm nay Ta muốn đến thăm Sa-môn Cù-đàm."

Người đánh xe lãnh giáo, tức thì sửa soạn xa giá.

Bấy giờ chị em Hiền và Nguyệt[4] đang ngồi ăn với Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe nói hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sẽ đến thăm Phật, liền tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, nếu hôm nay ngài đến thăm Đức Thế Tôn, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng? Đại vương nói như vầy, 'Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?'"

---

4. Hiền, Nguyệt 賢 月。Pāli: Sakulā và Somā. Cả hai chị em đều là vợ của vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), cũng là hai vị đệ tử nhiệt thành của Phật.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la im lặng nhận lời chị em Hiền và Nguyệt.

Lúc đó người đánh xe sửa soạn xa giá đã xong, đến tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, xa giá trang nghiêm đã xong, xin vâng ý Thiên vương."

Vua nghe xong, lên xe rời khỏi Uất-đầu-tùy-nhã, đi đến rừng Phổ cức thích.

Lúc đó ngoài cửa rừng Phổ cức thích, một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành trên khoảng đất trống. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đến hỏi các Tỳ-kheo rằng:

"Bạch chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm hôm nay ở đâu? Tôi muốn đến thăm."

Chư Tỳ-kheo đáp rằng:

"Nơi phía Đông kia, tâu Đại vương, tại ngôi nhà lớn hướng phía Đông, có cửa sổ mở và cửa lớn đóng, Đức Thế Tôn đang ở trong đó. Đại vương muốn thăm thì đến nhà ấy, đứng ngoài mà tằng hắng và gõ cửa, Đức Thế Tôn sẽ mở cửa."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la liền xuống xe, với đám tùy tùng vây quanh, đi bộ về ngôi nhà lớn hướng phía Đông ấy. Đến nơi vua đứng phía ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, liền ra mở cửa. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vào trong ngôi nhà ấy, đến trước bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn rằng, 'Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?'"

Thế Tôn hỏi rằng:

"Chị em Hiền và Nguyệt không có người sai sao?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, mong Ngài biết cho, hôm nay chị em Hiền và Nguyệt cùng ngồi ăn với con, nghe con muốn đến thăm Phật, bèn thưa rằng, 'Đại vương, nếu ngài đến thăm Phật, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?' Nên con bạch lại như vậy cùng Thế Tôn rằng, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn 'Thánh thể Ngài khỏe mạnh an lạc, không tật bệnh đi

đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?' Bạch Cù-đàm, chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Này Đại vương, mong cho chị em Hiền và Nguyệt an ổn, khoái lạc, mong cho Trời, Người, A-tu-la, Kiền-đáp-hòa, La-sát cùng mọi loài khác an ổn khoái lạc."

Bấy giờ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói lời thăm hỏi Phật rồi lui ngồi một bên bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi mong Ngài nghe chuyện con mới dám trình bày."

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, có điều gì muốn hỏi cứ tự ý mà hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'. Bạch Cù-đàm, Ngài đã nhớ là đã nói như vậy chăng?

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và hiện tại không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'."

Lúc đó Đại tướng Bệ-lưu-la[5] đứng sau lưng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

"Hôm trước Ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói rằng, 'Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

---

5. Bệ-lưu-la 鞞 留 羅 hay Tì-lưu-li. Pāli: Viḍūḍabha, con trai của Pasenadi, mà mẹ nguyên là một nữ tỳ trong dòng họ Thích. Sau này Viḍūḍabha, vì một mối thù sĩ diện đối với họ Thích nên đã đem quân tàn sát cả họ.

"Tâu Thiên vương, có Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử[6] là người đầu tiên nói như vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người rằng: "Ngươi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử nói như vầy, 'Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông'."

Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử bảo như vầy:

"Này Niên Thiếu, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cho gọi ông."

Sau khi người ấy đi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có thể có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Bạch Cù-đàm, ngài có nhớ đã nói những gì chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vầy, 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn Phạm chí nào trong một thời[7] biết tất cả, trong một thời thấy tất cả'. Này Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

"Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sư[8]. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Lại có những điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép con hỏi."

Thế Tôn đáp rằng:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm! Ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư. Bốn chủng tộc này có sự hơn kém nào không? Và có sự sai biệt nào?"

---

6. Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử 想年少吉祥子, Pāli: Sañjaya-Ākāsagotta, tên một người Bà-la-môn, Đại thần của vua Ba-tư-nặc.
7. Nhất thời 一時; Pāli: sakideva, trong một thời, một lúc, hay một lần; ngay trong một sát-na.
8. Sở thuyết như sư 所說如師, không rõ cách nói này. Tham khảo Pāli: heturūpaṃ bhante bhagavā āha, saheturūpaṃ... āha, Thế Tôn nói có nguyên nhân, liên hệ đến nguyên nhân. Không hiểu do liên hệ âm vận như thế nào, bản Hán hiểu heturūpaṃ là "như sư". Nếu dịch sát, có thể "như nhân" nghĩa là, có hình thức luận lý.

Thế Tôn đáp rằng:

"Bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, Công sư có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lợi, và Phạm chí ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng Cư sĩ và hạng Công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư đó là sự hơn kém và đó là sự sai biệt."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Sư. Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại bạch:

"Bạch Cù-đàm, con không hỏi những vấn đề trong hiện tại, mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, có sự hơn kém nào, có sự sai biệt nào ở đời sau chăng?"

Thế Tôn đáp rằng:

"Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư, có sự hơn kém, có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Công sư và Cư sĩ nếu thành tựu được năm đoạn chi này[9], chắc chắn sẽ gặp được Bậc Thiện Sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Những gì là năm chi? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, đã quyết định vững bền, không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử, ít bệnh, không bệnh,

---

9. Ngũ đoạn chi 五斷支 hay *ngũ thắng chi*, xem Tập Dị 13 (No.1536, Đại 26 tr.422-3). Pāli: pañca padhāniyanngāni. Bản Hán hiểu là pahāna, đoạn trừ, thay vì là padhāna, tinh cần. Xem D. 33. Saṅgītisuttanta.

thành tựu sự điều hòa thực đạo[10], không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bực dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai.

"Lại nữa, này Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử không siểm mị, không dối gạt, chất trực, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vị phạm hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử thường thành tựu hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, luôn luôn tự sách tấn[11], chuyên nhất kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ bốn.

"Lại nữa, Đại vương, Đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, thánh tuệ minh đạt phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chánh diệt tận. Đó gọi là đoạn chi thứ năm.

"Có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này nếu thành tựu được năm đoạn chi này, nhất định được gặp Bậc Thiện Sư, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ắt được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc.

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Đó là hơn kém, đó là sự sai biệt ở đời sau vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong tán thán rằng:

"Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Sử. Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều gì muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Cù-đàm, có bốn chủng tộc, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư; bốn hạng này có sự hơn kém và sự sai biệt nào đối với đoạn hành[12] chăng?"

---

10. Đẳng thực đạo 等 食 道。Pāli: sama-vepākiniyā.
11. Hán: hằng tự khởi ý 恆 自 起 意。Có lẽ Pāli: thāmavant, kiên trì nỗ lực.
12. Đoạn hành 斷 行。Pāli: padhāna, sự tinh cần hay chuyên cần.

Đức Thế Tôn đáp:

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư. Bốn hạng này có sự sai biệt và hơn kém đối với đoạn hành. Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Những gì được đoạn bởi tín, và chúng được đoạn bởi bất tín trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi ít bệnh, mà chúng cũng được đoạn bởi nhiều bệnh, trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn bởi sự không siểm nịnh, không lừa dối[13], mà chúng cũng được đoạn bởi siểm nịnh, lừa dối, trường hợp này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng được đoạn bởi giải đãi; trường hợp này không thể có. Nếu đoạn bởi trí tuệ, mà cũng được đoạn trừ bởi ác tuệ, trường hợp này không thể có.

"Cũng như chế ngự bổn thứ[14] là chế ngự voi, chế ngự ngựa, chế ngự bò và chế ngự người. Trong đó có hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự và hai trường hợp cần chế ngự mà có thể chế ngự. Đại vương, ý ông thế nào? Hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự, con vật không thể chế ngự ấy mà lại đi đến chỗ được điều phục, đi đến được chỗ chế ngự[15], thọ nhận công việc của sự điều ngự[16], thì việc này có thể vậy.

"Cũng vậy, này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Nếu những gì được đoạn bởi tín mà cũng được đoạn bởi bất tín chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi ít bệnh mà cũng được đoạn bởi nhiều bệnh chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi sự không siểm nịnh không dối trá mà cũng được đoạn bởi siểm nịnh, dối trá chăng? Việc này không thể có. Nếu được đoạn bởi tinh cần mà cũng đoạn bởi giải đãi chăng? Việc này không thể có. Nếu do trí tuệ mà đoạn cũng do ác tuệ mà đoạn chăng? Việc này không thể có. Như vậy, bốn hạng này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ, và Công sư, đó là sự hơn kém, sự sai biệt về đoạn hành."

---

13. Cuống, siểm. Pāli: saṭha, māyāvin, giảo hoạt và lừa dối hay.
14. Bốn điều ngự, hay bốn trường hợp huấn luyện, xem kinh 198 trên. Một ít chi tiết trong kinh trước và kinh này không thống nhất trong bản Hán.
15. Điều địa, ngự địa 調地御地。Pāli: dantabhūmi, địa vị (của con vật) đã được huấn luyện.
16. Thọ ngự sự 受御事。Pāli: dantākaraṇaṃ gaccheyyuṃ, có thể làm công việc (của con vật) đã được huấn luyện.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Đại vương, nếu có điều muốn hỏi tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"Bạch Sa-môn Cù-đàm, có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, bốn hạng này có sự hơn kém, có sự sai biệt đối với đoạn[17] chăng?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Có bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, chúng bình đẳng đối với đoạn, không hơn kém, không sai biệt đối với đoạn vậy[18].

"Cũng như một đứa nhỏ dòng Sát-lợi từ phương Đông đến lấy Sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Phạm chí từ phương Nam đến nó lấy cây Sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Cư sĩ từ phương Tây đến, nó lấy chiên-đàn làm mồi và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa bé dòng Công sư từ phương Bắc đến, nó lấy cây Bát-đầu-ma[19] khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Này Đại vương, ý ngài nghĩ sao? Những người khác chủng tộc kia mang các loại cây khác nhau làm mồi lửa, nó cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm vào cây khô làm cho bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Nầy Đại vương, giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa. Giữa sắc lửa với sắc lửa, có những sai biệt nào chăng?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đáp rằng:

"Bạch Cù-đàm, những người khác chủng tộc đó lấy các thứ cây khác nhau đó làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa, rồi trong số đó có

---

17. Đoạn 斷； Pāli: sammappadhāna, chánh cần, hay chân chánh tinh cần.
18. Trong bản Pāli: na kiñci nānākaraṇaṃ vādāmi yadidṃ vimuttiyā vimuttiṃ, Ta nói không có hành tướng sai biệt nào, tức là giải thoát này đối với giải thoát kia.
19. Bát-đầu-ma 鉢 頭 摩， thường Pāli tương đương là paduma (hoa sen đỏ), nhưng ở đây, trong bản Pāli: udumbarakaṭṭha, củi bằng gỗ cây udumbaraka, tức cây sung.

người châm lửa vào cây khô làm bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Bạch Cù-đàm, con không nói rằng giữa khói và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt."

"Cũng vậy, này Đại vương, bốn chủng tộc này, Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ và Công sư, chúng hoàn toàn bình đẳng đối với đoạn, không có hơn kém, không có sai biệt đối với đoạn."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Bạch Cù-đàm, những điều Ngài nói như Sư. Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chăng?"

Thế Tôn đáp:

"Nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, có chư Thiên chăng?"

Đức Thế Tôn hỏi lại:

"Đại vương, ngài hỏi có chư Thiên không với ý gì?"

Vua Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đáp:

"Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào có tranh[20], ưa tranh thì chư Thiên ấy phải sanh lại thế gian này. Nếu chư Thiên nào không có não hại thì sẽ không sanh lại thế gian này[21]."

Bấy giờ Đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Đại tướng Bệ-lưu-la bạch:

"Bạch Cù-đàm, chư Thiên nào không có tranh, không ưa tranh không đến thế gian này, hãy gác lại chư Thiên đó. Giả như chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, thì đến thế gian này, Sa-môn Cù-đàm tất phải nói rằng chư Thiên đó có phước hơn, có phạm hạnh hơn. Vì chư Thiên này được tự tại nên đẩy lui chư Thiên kia, đuổi chư Thiên kia đi vậy."

Lúc đó Tôn giả A-nan đứng hầu sau Đức Thế Tôn, cầm phất trần hầu Phật. Tôn giả A-nan nghĩ rằng, 'Đại tướng Bệ-lưu-la này là con của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, còn ta là con của Đức Thế Tôn.

---

20. Hữu tránh 有 諍, có tranh cãi hay tranh chấp. Pāli: savyāpajjhā, có não hại, sân hận.

21. Trong bản Pāli, đây là câu trả lời của Phật.

Bây giờ chính là lúc con và con thảo luận. Rồi Tôn giả A-nan nói với Đại tướng Bệ-lưu-la rằng:

"Tôi muốn hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời.

"Thưa Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được tự do đuổi đi những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp:

"Này Sa-môn, trong phần ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la được quyền đuổi đi tự do những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn."

"Này Đại tướng, ngài nghĩ sao? Nếu không phải trong ranh giới của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến, thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được tự ý đuổi những vị có phước đức hơn, có phạm hạnh hơn chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Này Sa-môn, nếu không phải ranh giới thuộc về Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, giáo lệnh không thể truyền đến thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la không được tự do xua đuổi những vị có phước hơn, có phạm hạnh hơn đi khỏi vậy."

Tôn giả A-nan lại hỏi rằng:

"Này Đại tướng, ngài có nghe nói đến chư Thiên ở Tam thập tam thiên chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Khi tôi cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la dạo chơi, có nghe nói chư Thiên trên Tam thập tam thiên."

"Này Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có được quyền tự do xua đuổi chư Thiên có phước hơn, có phạm hạnh hơn ở Tam thập tam thiên khỏi chỗ ấy chăng?"

Đại tướng Bệ-lưu-la đáp rằng:

"Này Sa-môn, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư Thiên ở Tam thập tam thiên, huống gì lại đuổi họ ra khỏi chỗ đó? Đuổi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, việc ấy chắc chắn không thể có vậy."

"Cũng vậy, này Đại tướng, nếu có chư Thiên nào không tranh, không ưa tranh, không đến thế gian này. Chư Thiên ấy có phước đức hơn và có phạm hạnh hơn. Nếu có chư Thiên nào có tranh, ưa tranh, sanh đến thế gian này thì chư Thiên này đối với chư Thiên kia còn không thể thấy được huống gì đánh đuổi ư? Việc đánh đuổi chư Thiên, chắc chắn không thể có."

Lúc đó Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, Sa-môn này tên gì?"

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Này Đại vương, Tỳ-kheo này tên là A-nan, đó là thị giả của Ta."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Những điều A-nan nói như Sư. Những điều A-nan như Thiện sư. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con hỏi chăng?"

Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý hỏi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi rằng:

"Bạch Cù-đàm, có Phạm thiên chăng?"

Đức Thế Tôn hỏi lại rằng:

"Này Đại vương, Đại vương hỏi có Phạm thiên không với ý gì? Này Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên thì đó là Phạm thanh tịnh."

Trong lúc Đức Thế Tôn cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đang luận việc này nửa chừng thì người sứ giả dẫn Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử trở lại đến chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu:

"Tâu Thiên vương, Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đã đến đây."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe nói liền hỏi Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử rằng:

"Hôm trước ta cùng đại chúng đang hội tọa ai là người trước tiên nói rằng, 'Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: Trong quá khứ không có, trong tương lai không có, và trong hiện tại cũng không có. Không có Sa-môn Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến'?"

Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đáp:

"Tâu Thiên vương, chính Đại tướng Bệ-lưu-la là người đã nói trước tiên."

Đại tướng Bệ-lưu-la nghe xong thưa:

"Tâu Thiên vương, chính Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử là người nói trước."

Cứ như vậy hai người đó cãi nhau về vấn đề này. Ngay trong lúc đó, người đánh xe liền sửa soạn xa giá, đến chỗ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, nghiêm giá đã đến, tâu Thiên vương, mong ngài biết đã đến thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong, bạch với Phật rằng:

"Con hỏi Cù-đàm về Nhất thiết trí, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về Nhất thiết trí. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về bốn chủng tánh thanh tịnh; Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về bốn chủng tánh thanh tịnh. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về sở đắc. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời cho con có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cù-đàm các vấn đề khác chắc Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời con các vấn đề ấy.

"Bạch Cù-đàm, hôm nay con có nhiều việc phải trở về, xin kiếu từ."

Đức Thế Tôn đáp rằng:

"Đại vương, ngài hãy làm những gì ngài nghĩ là đúng thời."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi nghe những gì Thế Tôn nói, ghi nhớ kỹ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về.

Phật nói như vậy. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM[1]

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia tên là Di-lũ-ly[2].

Bấy giờ Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la và Trường Tác[3] vì có những việc cần làm nên cùng đi đến một thị trấn tên gọi là Thành[4]. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, đến một khu vườn nơi ấy, nhìn thấy những gốc cây vắng vẻ, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Sau khi nhìn thấy như vậy, nghĩ nhớ Đức Thế Tôn, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

"Này Trường Tác, ở đây, những gốc cây này vắng vẻ, không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Tại chỗ này ta đã nhiều lần đến thăm viếng Đức Thế Tôn. Này Trường Tác, Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu? Ta muốn đến thăm."

Trường Tác trả lời:

"Tôi nghe nói Đức Thích Tôn đang du hóa giữa những người họ Thích, trú trong một đô ấp của Thích gia, tên gọi là Di-lũ-ly."

Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi:

"Này Trường Tác, Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia cách đây bao xa?"

"Trường Tác đáp:

---

1. Tương đương Pāli, M.89. Dhammacetiya-suttaṃ.
2. Di-lũ-ly 彌 婁 離。 Pāli: Medaḷumpa.
3. Trường Tác 長 作。 Pāli: Dīghakāryāṇa, viên đại tướng tổng chỉ huy của vua Pasenadi.
4. Ấp danh thành 邑 名 成。 Pāli: Naṅgaraka.

"Tâu Thiên vương, cách đây ba cu-lô-xá[5]."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

"Này Trường Tác, ngươi hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn."

Trường Tác vâng lời cho sửa soạn xa giá, rồi tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong, xin vâng ý Thiên vương."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn lên xe, dong khỏi thành ngoài đi đến Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia.

Bấy giờ, ngoài cổng Di-lũ-ly, một số đông các Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên một khoảng đất trống. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đến nơi các Tỳ-kheo hỏi rằng:

"Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày ở đâu?"

Các Tỳ-kheo trả lời rằng:

"Đại vương, ngôi nhà lớn hướng Đông kia, với cửa sổ mở và cửa lớn đóng ấy, Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ mát ban ngày tại đó. Đại vương nếu muốn đến thăm, có thể đi đến nơi đó, đến nơi hãy đứng bên ngoài, rồi tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe tất sẽ mở cửa."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn xuống xe.

Khi một vị Sát-lợi Đảnh Sanh xuất hiện để cai trị nhân dân, và ban hành giáo lệnh cho cõi đất, thì có năm nghi trượng. Đó là kiếm, lọng, tràng hoa, phất cán ngọc và giày thêu. Vua cởi bỏ tất cả trao cho Trường Tác. Trường Tác nghĩ rằng:

"Thiên vương nay tất chỉ đi vào một mình. Chúng ta nên đứng ở đây mà đợi vậy."

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la với đám tùy tùng vây quanh bước tới ngôi nhà hướng Đông kia. Đến nơi, vua đứng ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe rồi, bèn ra mở cửa. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đi vào trong nhà đến trước Đức Phật cúi đầu lễ sát chân, rồi ba lần tự xưng tên họ.

---

5. Câu-lũ-xá 拘婁舍, hay câu-lô-xá, số đo dài năm trăm cung, hay khoảng cách tiếng rống của một con bò. Bản Pāli: ba yojana, do-tuần.

"Con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la!"

Đức Thế Tôn đáp:

"Như vậy, Đại vương, ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la!"

Sau ba lần tự xưng tên họ, vua Ba-tư-nặc đảnh lễ dưới chân Phật và lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

"Đại vương, Đại vương thấy Tạ có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đảnh lễ dưới chân và cúng dường cung kính như vậy?"

Vua Ba-tư-nặc thưa:

"Bạch Thế Tôn, con có sự loại suy về pháp[6] đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo thú hướng[7].'

"Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đô tọa[8], con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa là người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiều tranh chấp, xả giới bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu pháp, không nói xấu chúng Tăng, mà chỉ tự chê trách rằng, 'Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành phạm hạnh'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

---

6. Pháp tĩnh 法 靖 (bản Tống: 靜); Pāli: Dhammanvaya, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chứng nghiệm thực tế.
7. Pāli: svākkhato bhagavato dhammo suppaṭipanno sāvakasaṅgho, Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo thực hành.
8. Đô tọa 都 坐。Pāli: atthakaraṇa, công đường, pháp đình, chỗ xử kiện.

"Bạch Thế Tôn, lại nữa, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác đã ít nhiều học hành phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia, rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập phạm hạnh, cho đến ức số. Ngoài đây ra con không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp của Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thân thể gầy còm tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng[9] không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn. Các Tôn giả này ắt không tu phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn'. Con đến hỏi họ, 'Các Tôn giả vì sao thân hình tiều tụy gầy còm, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả thân thể gầy còm tiều tụy?' Những vị ấy đáp, 'Đại vương, đây là bệnh trắng! Đại vương, đây là bệnh trắng[10]'.

"Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu[11] sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng[12], tự mình trọn

---

9. Bạch pháo 白 皰。

10. Bạch bệnh 白 病。 Pāli: bandhukarogo, bệnh truyền nhiễm, (bệnh hoàng đản hay hoàng đậu?).

11. Vô vi vô cầu 無 爲 無 求。 Pāli: appossukka pannaloma, thoải mái vô tư.

12. Hộ tha thế, thực như lộc: paradavutte migabhūtena (...) sống do sự hỗ trợ của người khác, (...) như loài nai.

đời tu hành phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng? Tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh? Các Tôn giả hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trụ[13] chứng đạt dễ dàng không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rằng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ năm thứ diệu dục, một cách dễ dàng không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng không khó. Vì vậy cho nên các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn, do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường dịch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá tông chủ của người mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng, 'Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, mà hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, thì ta vặn hỏi thế kia. Nếu ông không trả lời được thì ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào huống nữa là vấn nạn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí, thông

---

13. Tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trụ: chỉ cho sự chứng đắc bốn tĩnh lự.

minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến chỗ nào thảy đều đả phá tông chỉ người khác mà tự lập luận điểm của mình. Và nói rằng, 'Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy như vầy. Nếu ông trả lời được thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến tìm hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong Sa-môn Phạm chí này vui mừng hớn hở, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác, thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng, 'Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách khác. Nếu ông không trả lời được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này liền vui mừng phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo; được Thế Tôn thọ nhận làm Ưu-bà-tắc; trọn đời quy y cho đến tận mạng. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện; chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục được cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà lập luận điểm của mình mà nói rằng, "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi

ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này vui mừng phấn khởi bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Vị ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán; chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng, 'Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong gần bị hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn tự xưng là Sa-môn; không phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, không phải A-la-hán tự xưng A-la-hán. Bấy giờ chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là phạm hạnh, thực sự là A-la-hán'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, muốn giết kẻ có lỗi lầm ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đô tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vầy, 'Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này'. Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây quanh. Bấy giờ có một người ngủ gật mà ngáy, thấy gây tiếng động, một người khác bèn nói rằng, 'Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chăng?' Người ấy nghe rồi tức thì im lặng. Con nghĩ rằng, 'Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác,

là Bậc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy, nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu[14] được con ban phát tiền tài, và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó cọn nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.'

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cựu, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết già im lặng tĩnh tọa. Đến nửa hôm nọ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ, 'Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt, cho nên họ không hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự ta như hạ ý cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.'

"Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-lợi. Con là người nước Câu-tát-la, Thế Tôn cũng người nước Cấu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn.

"Bạch Thế Tôn, hôm nay có nhiều công việc, con xin phép lui về."

---

14. Tiên Dư, Túc Cựu 仙 餘 宿 舊。Pāli: Isidatta, Purāṇa.

Đức Thế Tôn bảo:

"Đại vương, mong Đại vương tự biết đúng thời."

Rồi thì Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la, sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo léo ghi nhớ, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra về.

Lúc đó ngài A-nan cầm quạt đứng hầu sau Phật. Thế Tôn bảo:

"A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào đang sống ở rừng Di-lũ-ly này, hãy tập họp tất cả về giảng đường."

Rồi thì, Tôn giả A-nan sau khi vâng lời Phật dạy, tập họp tất cả Tỳ-kheo đang sống trong rừng Di-lũ-ly tất cả cùng vào giảng đường. Rồi trở lại bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, những Tỳ-kheo tại rừng Di-lũ-ly này, tất cả đều đã tụ tập tại giảng đường này rồi, mong Thế Tôn tự biết thời."

Bấy giờ Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường. Đến nơi Ngài trải chỗ ngồi trước đại chúng và nói:

"Này các Tỳ-kheo, hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la đã đứng trước Ta nói kinh 'Pháp Trang Nghiêm'[15] xong, liền đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên thọ trì kinh Pháp Trang Nghiêm đó, hãy khéo léo tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì kinh Pháp Trang Nghiêm này là như pháp, là như nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, dẫn đến trí tuệ, dẫn đến giác ngộ, dẫn đến Niết-bàn. Nếu một thiện nam tử đã chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, hãy nên thọ trì, hãy khéo léo tụng tập kinh Pháp Trang Nghiêm này."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

15. Pháp trang nghiêm 法莊嚴。Pāli: dhammacetiya, linh miếu Pháp, tháp thờ phụng Chánh pháp.

214. KINH BỆ-HA-ĐỀ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. "

Bấy giờ Tôn giả A-nan trú tại Xá-vệ, có chút việc tại Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Lúc đó Tôn giả A-nan dẫn một thầy Tỳ-kheo ra khỏi Xá-vệ[2], đến Đông viên Lộc mẫu giảng đường. Công việc xong, Tôn giả dẫn thầy Tỳ-kheo trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng.

Khi ấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cỡi trên con voi Nhất-bôn-đà-lị[3] cùng với Đại thần Thi-lị-a-trà[4] từ thành Xá-vệ đi ra. Tôn giả A-nan khi ấy nhìn thấy Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la từ xa đi đến, bèn hỏi vị Tỳ-kheo đồng hành rằng:

"Có phải là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la ấy không?"

Vị Tỳ-kheo đáp:

"Đúng vậy."

Tôn giả A-nan liền tẻ xuống đường, lánh vào một gốc cây. Vua Ba-tư-nặc từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan nơi gốc cây bèn hỏi:

"Này Thi-lị-a-trà, có phải là Sa-môn A-nan ấy không?"

Thi-lị-a-trà đáp:

"Đúng vậy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bảo Đại thần Thi-lị-a-trà:

---

1. Tương đương Pāli, M.88. Bāhitika-suttaṃ.
2. *Tùng Xá-vệ xuất.* Nói là *ra khỏi*, vì Đông viên (Pubbārāma) ở nên ngoài cửa đông của thành Xá-vệ.
3. Nhất-bôn-đà-lị — 奔陀利。 Pāli: Ekapuṇḍarīka, (Nhất bạch Liên hoa), được gọi như vậy, vì hai bên hông nó có những đốm trắng hình hoa sen trắng.
4. Thi-lị-a-trà 尸利阿茶。 Pāli: Sirivaddha.

"Khanh hãy giục voi đến chỗ Sa-môn A-nan."
Thi-lị-a-trà vâng lệnh bèn giục voi đến chỗ A-nan.
Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vui mừng hỏi:
"A-nan, từ đâu đến đây và muốn đi đâu bây giờ?"
"Tôn giả A-nan trả lời:
"Đại vương, tôi từ Đông viên Lộc mẫu giảng đường đến và muốn trở về vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói:

"A-nan, nếu tại Thắng lâm không có việc gì gấp, xin Ngài từ mẫn đi cùng tôi đến sông A-di-la-bà-đề[5].

Tôn giả A-nan nhận lời Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Nhà vua để Tôn giả A-nan đi trước, rồi cùng đến sông A-di-la-bà-đề. Đến nơi, vua bước xuống, lấy yên voi gấp làm tư, trải lên đất và mời Tôn giả A-nan:

"Xin mời ngồi trên chỗ này!"

Tôn giả A-nan đáp:

"Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại ba lần mời Tôn giả A-nan:

"A-nan, xin mời ngồi lên chỗ này."

Tôn giả A-nan cũng đáp lại ba lần:

"Thôi được rồi, Đại vương, trong lòng thỏa mãn là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ. Tôi sẽ ngồi nơi đây."

Nói xong Tôn giả A-nan trải tọa cụ và ngồi kiết già.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la chào hỏi A-nan rồi ngồi xuống một bên mà nói rằng:

"A-nan, tôi có điều muốn hỏi mong ngài cho phép."

Tôn giả A-nan trả lời.

"Đại vương, ngài có điều gì cứ hỏi; tôi nghe sẽ suy nghĩ."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi:

"A-nan, Đức Thế Tôn có hành những thân hành như vậy chăng? Tức là thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

---

5. A-di-la-bà-đề (Pāli: aciravatī), từ trên lầu của vua Pasenadi có thể nhìn thấy con sông này.

"Đại vương, Như Lai không có những thân hành như vậy tức là thân hành mà các Sa-môn Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và hàng thế gian khác ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe xong khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh trí tuệ, và những hàng thế gian khác, thì A-nan đủ khả năng. Này A-nan, nếu ai không nhận định kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi thì tôi không coi đó là chơn thật. Này A-nan, Đức Thế Tôn có những thân hành như vầy, những thân hành mà các Sa-môn Phạm chí những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn Phạm chí những người thông minh trí tuệ và những hàng thế gian khác ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành?"[6]

A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành bất thiện."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi.

"Thế nào là thân hành bất thiện?"

A-nan đáp:

"Đó là những thân hành có tội."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành có tội?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành bị người trí ghê tởm[7]."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành bị người trí ghê tởm?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả

---

6. Thân hành: kāyasamācāra, hành vi của thân. Bản Pāli, câu hỏi nói: "Thân hành đáng bị khiển trách ấy là gì?"

7. Bản Pāli: những thân hành có hại (savyāpajjha).

hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành, không biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành không biết như thật, và pháp không nên hành cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên chấp thủ không biết như thật, và đối với pháp không nên chấp thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; thì đối với pháp nên thành tựu không biết như thật và đối với pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng không biết như thật rồi, do đó, pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành. Sau khi pháp nên hành trì thì không hành, pháp không nên hành trì lại hành rồi, đối với pháp nên thủ thì không thủ và pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì không thủ, đối với pháp không nên thủ lại thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi pháp nên thành tựu thì không thành tựu, và pháp không nên thành tựu lại thành tựu rồi thì pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, tại sao Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Đây là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị dẫn dắt điều ngự, tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận.

Cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! A-nan, Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác. A-nan, ngài là đệ tử của vị Đạo sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng, mà còn không hành pháp ấy, huống nữa Đức Như Lai lại hành các pháp ấy sao?"

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, Như Lai có hành những thân hành như vầy, tức là thân hành mà các Sa-môn Phạm chí, những người thông trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành các Sa-môn Phạm chí, những người thông minh trí tuệ và các hàng thế gian khác không ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thân hành đó là như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đại vương, đó là những thân hành thiện."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành thiện?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là thân hành không có tội."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành không có tội?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, thế nào là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ bởi sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đối với pháp nên hành thì biết như thật, đối với pháp không nên hành cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên hành đã biết như thật, đối với

pháp không nên hành cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên thủ biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên đoạn trừ biết như thật, và pháp không nên đoạn trừ biết như thật. Sau khi đối với pháp đã biết như thật và pháp không nên đoạn trừ đã biết như thật rồi, đối với pháp nên thành tựu biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã biết như thật và pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành, đối với pháp không nên hành thì không hành rồi, đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ, đối với pháp không nên thủ thì không thủ rồi, đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ đối với pháp nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ rồi, đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu, pháp không nên thành tựu thì không thành tựu rồi, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại hỏi:

"A-nan, tại sao Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy?"

Tôn giả A-nan trả lời:

"Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đã thành tựu tất cả pháp thiện, và đoạn trừ tất cả pháp bất thiện. Ngài là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị hướng dẫn điều ngự và tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận, cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la khen ngợi:

"Hay thay, hay thay, A-nan, Như Lai tất nhiên hành những pháp nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, là Bậc Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ngài là bậc đệ tử của Đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thường, mà còn phải hành những pháp

ấy, huống nữa Như Lai lại không hành những pháp ấy sao? A-nan nói thật khéo léo khiến tôi hoan hỷ. Nếu A-nan được phép thâu nhận thuế tô trong làng, tôi sẽ vì pháp mà bố thí thuế tô đó. Nếu A-nan được phép tùy thuận nhận voi, ngựa, trâu, dê, tôi sẽ vì pháp mà bố thí voi, ngựa, trâu, dê đó. Nếu A-nan được phép thâu nhận đàn bà con gái, tôi sẽ vì pháp mà bố thí vợ, đàn bà, con gái. Nếu A-nan được phép thâu nhận vàng bạc châu báu[8], tôi sẽ vì pháp mà bố thí vàng bạc và châu báu. Nhưng A-nan không được phép thâu nhận vàng bạc và châu báu như thế. Vương gia Câu-tát-la của tôi có một chiếc áo tên là bệ-ha-đề[9] rất tốt, tôi đặt nó trong ống cán dù, được gởi đến để làm tin[10]. Trong các loại áo kiếp-bối[11] của vương gia Câu-tát-la, áo này là bậc nhất trong tất cả. Vì sao vậy? Áo bệ-ha-đề dài mười sáu khuỷu tay. Tôi nay vì Pháp đem chiếc áo này bố thí A-nan. A-nan sẽ dùng nó mà may thành ba y để vương gia Câu-tát-la ấy được mãi mãi tăng ích phước lành."

Tôn giả A-nan đáp:

"Thôi đủ rồi Đại vương? Trong tâm thỏa mãn là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa:

"A-nan, xin nghe tôi nói một ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ thấu rõ ý nghĩa. Ví như sau trận mưa lớn, nước đầy cả sông A-di-la-bà-đề này, ngập cả hai bên bờ và chảy tràn ra cả ngoài. A-nan có thấy vậy không?"

Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, tôi có thấy.

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la lại thưa rằng:

"Cũng thế, này A-nan, nếu có ba y thì hãy đem cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các vị tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly[12]. Còn A-nan đem

---

8. Hán: sanh sắc bảo 生色寶。Pāli: jātarūpa.

9. Bệ-ha-đề 鞞訶提; "dịch là *chủng chủng thê*, cũng nói là lụa". (Phiên Phạn Ngữ 10, No.2130, Đại 54 tr.1051b). Pāli: bāhitikā, áo choàng, áo khoác ngoài.

10. Bản Pāli nói, cuộn vải do vua Ajātasattu gởi tặng. Văn bản Hán có thể sót, vì câu nói không đủ nghĩa.

11. Kiếp-bối, xem cth.15, kinh 61.

12. Tiệm học, xá-la, xá-la-ma-ni-ly 漸學，舍羅，舍羅摩尼離，có lẽ phổ thông nói là Thức-xoa-ma-na, Sa-di và Sa-di-ni. Bản Pāli nói: sabrahmacārīnhi saṃbhajissati, được phân chia cho các vị đồng phạm hạnh.

bệ-ha-đề này làm thành ba y để vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành."

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi biết A-nan nhận rồi, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi theo pháp bố thí chiếc y bệ-ha-đề cho Tôn giả A-nan rồi, liền từ chỗ đứng dậy nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Sau khi vua đi không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đem chiếc y bệ-ha-đề đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng một bên mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la vì pháp mà bố thí chiếc y bệ-ha-đề này, vậy con xin Thế Tôn đặt chân lên trên chiếc y này để vương gia nước Câu-tát-la được tăng ích phước lành."

Khi ấy Đức Thế Tôn bèn dẫm hai chân lên y bệ-ha-đề rồi bảo:

"A-nan, nếu ông đã bàn luận những gì cùng Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hãy kể lại cho Ta nghe."

Khi ấy Tôn giả A-nan bèn kể lại hết những điều đã luận bàn cùng vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe rồi chắp tay thưa:

"Con nói như vậy không xuyên tạc Thế Tôn chăng? Con nói đúng sự thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm chăng?"

Đức Thế Tôn bảo:

"Ông nói như vậy là không xuyên tạc Ta, là nói sự thật, là nói đúng pháp, nói đúng như pháp, đối với pháp như pháp, không có điều gì sai lầm. Này A-nan, nếu Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la hỏi Ta bằng nghĩa này, với câu này, với văn này, Ta cũng trả lời bằng nghĩa này, với câu này, với văn này mà trả lời cho nhà vua."

"A-nan, nghĩa ấy đúng như lời ông đã nói, ông nên theo đúng như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói như vậy chính là nghĩa như vậy."

Phật thuyết như vậy. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Trong cảnh giới nào giáo lệnh của Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có thể ban hành đến, trong đó Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la là đệ nhất. Tuy vậy, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la cũng lệ thuộc sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt phải sanh ra nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không ham muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Những cảnh giới mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến, tức Thế giới ngàn[2]. Trong Thế giới ngàn này, có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn châu Phất-vu-đãi[3], một ngàn châu Diêm-phù[4], một ngàn châu Câu-đà-ni[5], một ngàn châu Uất-đơn-việt[6], một ngàn Tu di sơn[7], một ngàn Tứ đại vương thiên[8],

---

1. Tương đương Pāli. A.10.29 Kosala.
2. Thiên thế giới 千 世 界。 Pāli: sahassadhā-loka = sahassīlokadhātu.
3. Phất-vu-đãi 弗 于 逮， hay châu Đông thắng thân. Pāli: Pubbavideha.
4. Diêm-phù châu 閻 浮 洲。 Pāli: Jambudīpa.
5. Câu-đà-ni châu 拘 陀 尼 洲。 Pāli: Godānīya. Hoặc nói: Aparagoyāna.
6. Uất-đan-việt châu 鬱 單 越 洲。 Pāli: Uttarkuru.
7. Tu di sơn 須 彌 山。 Pāli: Sinerupabbata.
8. Thiên tứ Đại vương thiên 千 四 大 王 天。 Có lẽ bản Hán chép nhầm, thay vì là *Tứ thiên Đại vương*, tức bốn ngàn vua cai trị bốn ngàn nước lớn trong loài người. Pāli: cattāri mahārājasahassāni, bốn ngàn vị Đại vương.

một ngàn Tứ thiên vương tử[9], một ngàn Tam thập tam thiên[10], một ngàn Thích Thiên Nhân-đà-la[11], một ngàn Diệm-ma thiên[12], một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử[13], một ngàn Đâu-suất-đà thiên[14], một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử, một ngàn Hóa lạc thiên[15], một ngàn Thiện hóa lạc thiên tử[16], một ngàn Tha hóa lạc thiên[17], một ngàn Tự tại thiên tử[18], một ngàn Phạm thế giới[19], và một ngàn Biệt phạm. Trong đó có Phạm Đại Phạm, là đấng Phú hựu, là Tạo hóa tôn, là tổ phụ các loài chúng sanh, đã sanh và sẽ sanh[20]. Nhưng Đại Phạm ấy cũng là lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất không ham muốn huống là cái hạ tiện.

"Một thời gian sau, khi thế giới này hủy diệt. Khi thế giới này hủy diệt, chúng sanh lên cõi trời Hoảng dục[21]. Trong ấy chỉ có sắc rương theo ý mà sanh[22], các chi thể đầy đủ không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực[23], hình sắc thanh tịnh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài. Nhưng cõi trời Hoảng dục cũng lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

---

9. Tứ thiên vương tử 四 天 王 子。 Pāli: Cātummahārājikā.
10. Tam thập tam thiên 三 十 三 天 hay Đao-lợi thiên. Pāli: Tāvatiṃsa.
11. Thích Thiên Nhân-đà-la 釋 天 因 陀 羅，tức Thiên Đế Thích. Pāli: Sakka devanam inda.
12. Diệm-ma thiên 焰 摩 天。 Pāli: Yāma.
13. Bản Thánh không có. Bản Pāli cũng không có.
14. Đâu-suất-đa 兜 率 哆 天。 Pāli: Tusita.
15. Hóa lạc thiên 化 樂 天。 Pāli: Nimmānaratī.
16. Thiện hóa lạc thiên tử. Bản Pāli không kể.
17. Tha hóa lạc thiên 他 化 樂 天。 Pāli: Paranimmitavasavattī.
18. Tự tại thiên tử 自 在 天 子。 Bản Pāli không kể.
19. Phạm thế giới 梵 世 界。 Pāli: Brahmaloka.
20. Bản Pāli chỉ nói gọn: Mahābrahmā tattha aggam akkhāyati, ở đây Đại Phạm thiên được coi là cao nhất.
21. Hoảng dục thiên hay Quang âm thiên, xem cth.13, kinh 8 trên.
22. Ý sanh 意 生。 Pāli: manomaya.
23. Hỷ thực 喜 食。 Pāli: pīti-bhakkhā.

"Lại nữa, có bốn sự tưởng[24]. Tỳ-kheo suy tưởng về tưởng nhỏ, tưởng lớn, về tưởng vô lượng và tưởng vô sở hữu. Chúng sanh đó thắng ý nơi lạc tưởng như vậy[25] cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc vào thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Lại có tám trừ xứ[26]. Thế nào là tám? Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến[27], tưởng như vậy được gọi là đệ nhất thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài có quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ nhị thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tam thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ tứ thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như hoa thanh thủy[28] xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng như áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ ngũ thắng xứ.

---

24. Tứ tưởng 四 想。 Xem Tập Dị 6. (No.1536, Đại 16 tr.392a-b).
25. Chỉ các chúng sanh trên cõi Vô sở hữu xứ.
26. Bát trừ xứ 八 除 處； nhưng thường nói Bát thắng xứ 八 勝 處， Pāli, aṭṭha abhibhāyatanāni (xem Tập Dị 19, No. 1536, Đại 26 tr.445b và tt).
27. Nguyên Hán: trừ dĩ tri, trừ dĩ kiến 除 已 知 除 已 見。 Trong Tập Dị sđd., nt nói *thắng tri thắng kiến* (thấy siêu việt và biết siêu việt), và giải thích: đã đoạn trừ và siêu việt lục tham mà có thắng tri thắng kiến.
28. Thanh thủy hoa 青 水 華。 Tập Dị (sđd., nt): O-mạt-ca hoa, Umāpuppham (?).

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng như hoa tần-đầu-ca-la[29] vàng, màu vàng, ánh sáng. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mắt, vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng; vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ lục thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng như hoa ca-ni-ca-la màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến. Tưởng như vậy được gọi là đệ thất thắng xứ.

"Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như sao Thái bạch màu trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như chiếc áo bằng lụa Ba-la-nại, được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng vậy Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến, tưởng như vậy được gọi là đệ bát thắng xứ.

"Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy, cũng lệ thuộc vào sự biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt sanh nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

---

29. Tần-đầu-ca-la 頻 頭 歌 羅。 Pāli: bandhujīvaka-puppha, loại hồng tàu. Bản Hán này có lẽ nhầm, vì loại hoa này màu đỏ, Tập Dị và bản Pāli đều nói hoa này trong thắng xứ màu đỏ.

"Lại nữa, có Mười biến xứ[30]. Thế nào là mười? Các Tỳ-kheo tu tập nơi một biến xứ đất, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Tu tập nơi một biến xứ nước, một biến xứ lửa, một biến xứ gió, một biến xứ xanh, một biến xứ vàng, một biến xứ đỏ, một biến xứ trắng, một biến xứ hư không, một biến xứ thức là thứ mười. Tu tập một biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thắng ý nơi biến xứ lạc này cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy ắt sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

"Và đây là thuyết thanh tịnh đệ nhất, là sự thi thiết tối đệ nhất, tức là 'Ta không có, ta không hiện hữu[31]' và để chứng đắc điều này mà thiết lập nơi đạo.

"Và đây là đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ[32], tức là vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng, phi vô tưởng, thành tựu an trụ[33].

"Và đây là đệ nhất thú hướng, Niết-bàn ngày trong hiện tại, là thi thiết tối thượng về Niết-bàn ngay trong hiện tại[34] tức là sáu xúc xứ [35]với sự khởi tập, hoại diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất ly được thất như thật bằng tuệ.

"Lại nữa, có bốn đoạn[36]. Thế nào là bốn? Có sự đoạn mà lạc

---

30. Thập nhất thiết xứ 十 一 切 處 hay biến xứ. Pāli: dasa kasiṇāyatanāni.

31. Ngã vô, ngã bất hữu 我 無 我 不 有 : trong bản Pāli, trường hợp này được gọi là: Ngoại y kiến xứ, là thi thiết thanh tịnh đệ nhất nghĩa (paramatthavisuddhiṃ paññāpenti).

32. Đệ nhất ngoại y kiến xứ, tối ý kiến xứ; tối thượng ngoại kiến xứ, hay nói rõ hơn: "Đây là tối thượng đối với quan điểm ngoại đạo" và kiến xứ cao nhất ở đây được coi như là đạt đến hữu ngã.

33. Trong bản Hán này, kiến xứ, hay quan điểm, cao nhất của ngoại đạo là đạt đến Bốn vô sắc xứ, khác với Pāli coi bốn vô sắc xứ này là *thi thiết thanh tịnh đệ nhất nghĩa*.

34. Ư hiện pháp trung, tối thi thiết Niết-bàn 於 現 法 中 最 施 設 涅 槃。 Pāli: aggam paramadiṭṭhadhammanibbānam paññāpentānaṃ.

35. Nguyên Hán: lục cánh lạc xứ 六 更 樂 處。

36. Hán: đoạn 斷， hoặc nói là *thông hành*. Pāli: catasso paṭipadā.

chậm[37], có sự đoạn mà lạc nhanh, có sự đoạn mà khổ chậm, có sự đoạn mà khổ nhanh. Trong đó sự đoạn mà lạc chậm là lạc đưa đến đoạn trừ chậm chạp[38] cho nên nói là lạc kém. Trong đó, sự đoạn mà lạc nhanh, là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng[39]. Cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

"Trong đó, sự đoạn mà khổ chậm[40] là khổ đưa đến đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

"Trong đó, sự đoạn mà khổ nhanh, là khổ đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này không phải là sự tiến triển, không được lưu bố. Cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng không tán thán và phát triển.

"Sự đoạn[41] của ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán và phát triển.

"Thế nào là sự đoạn của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố? Đó là Thánh đạo tám chi, chánh kiến cho đến chánh định là tám.

"Ta như vậy[42]. Nhưng các Sa-môn, Phạm chí, hư ngụy, nói láo, bất thiện, không chân thật, xuyên tạc, và hủy báng Ta rằng, 'Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương sự đoạn hoại. Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô[43]'. Quả thật có chúng sanh mà chủ trương sự đoạn hoại,

---

37. Tập Dị, Pháp Uẩn: *lạc trì thông hành.*

38. Đặc tính của bốn tĩnh lự là hiện pháp lạc trú, và do đây mà tiến đến chứng đắc bốn Thánh quả, hoặc nhanh hoặc chậm. (Xem giải thích Phát Uẩn 3, No.1537, Đại 26 tr.465).

39. Từ đây trở xuống dịch theo phần hiệu đính cuối kinh, trong nguyên văn để bản không có, nhưng đã có giải thích "sự đoạn mà lạc chậm" hay *lạc trì thông hành*, thì ba *thông hành* kia tất nhiên cũng được giải thích. Bản Pāli chỉ nêu danh số, không có giải thích.

40. Tức *khổ trì thông hành* theo Tập Dị Môn Luận. Giải thích của Pháp Uẩn (đd): coi ngũ uẩn như là sự lăng nhục, thương tổn, bức thiết như gánh nặng, căn cứ trên đó mà quán sát nhàm tởm. Như vậy gọi là *Khổ* (...) *thông hành* (lược trích).

41. Đoạn, nói là *thông hành*, hay nói là *đạo* và *đạo tích* đều cùng một nghĩa và cùng một nguồn gốc, cùng tương đương Pāli: paṭipadā.

42. Nên hiểu là: "Ta nói như vậy, giảng dạy như vậy".

43. Bản Pāli nói: "Sa-môn Cù-đàm không giảng giải sự thấu hiểu về dục, (...) về sắc, (...) về thọ".

nếu không, Ta sẽ không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh, diệt tận[44]."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

44. Đoạn kết luận trên đây gần với bản Pāli, với một ít khác biệt (xem cth.43 trên), nhưng hoàn toàn khác nguyên văn trong để bản. Nguyên văn đó như vầy: (xem đoạn *Lạc trì thông hành*, và một câu lỡ dỡ về *lạc tốc thông hành*): "*Nếu có người đoạn lạc dục*. Hoặc có người tập pháp này không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập uống rượu không bao giờ thấy chán. Hoặc có người tập sự ngủ nghỉ không bao giờ thấy chán. Này Tỳ-kheo, đó là nói hoặc có người tập ba pháp này không bao giờ thấy chán, và cũng không thể đi đến chỗ diệt tận. Cho nên, các Tỳ-kheo hay thường xả ly ba pháp này, không thân cận chúng. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học như vậy.

216. KINH ÁI SANH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ có một người Phạm chí, độc nhất chỉ có một đứa con, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên đứa con mạng chung. Sau khi đứa con mạng chung, người Phạm chí ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

"Ông nay vì sao, các căn không trụ nơi tâm mình?"

Phạm chí đáp rằng:

"Tôi làm sao các căn có thể an trụ nơi tâm mình được? Vì sao vậy? Chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chìu chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Thế Tôn nói:

"Thật vậy, Phạm chí! Thật vậy, Phạm chí! Nếu khi ái sanh thì phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Phạm chí nói:

---

1. Bản Hán, quyển 60. Tương đương Pāli, M. 87. Piyajātika-suttaṃ. Hán, biệt dịch, No.91; No.125 (13.3).

"Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Thế Tôn đến ba lần nói như vậy:

"Thật vậy, Phạm chí! Thật vậy, Phạm chí! Khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Phạm chí cũng ba lần hỏi rằng:

"Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Lúc bấy giờ Phạm chí nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà chỉ bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

Bấy giờ ở trước cổng Thắng lâm, có một số thị dân[2] đang đánh bạc. Phạm chí từ xa trông thấy, bèn nghĩ rằng, 'Trong đời nếu có những người thông minh trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-đàm ta sẽ kể lại hết cho họ nghe'. Rồi Phạm chí đi đến số đông những người đánh bạc ấy, và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại cho họ nghe. Những thị dân đang đánh bạc này nghe xong nói rằng:

Này Phạm chí, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Phạm chí nên biết khi ái sanh, thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc."

Phạm chí nghe xong, bèn nghĩ rằng, "Điều mà con bạc nói thật hết sức phù hợp với ta." Rồi gật đầu mà đi.

Rồi thì vấn đề này lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào Vương cung. Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vậy, "Nếu khi ái sanh, thì cũng phát sanh những sầu bi khóc than, ưu khổ, phiền muộn ảo não." Vua bèn nói với hoàng hậu Mạt-ly[3] rằng:

"Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy, "Nếu khi ái sanh thì

---

2. Nguyên Hán: thị quách nhi 市 郭 兒。 Bản Pāli: sambahulā akkhadhuta, một số đông những tay cờ bạc.

3. Mạt-ly 末 利。 Pāli: Mallikā, vợ chánh cung của vua Pasenadi; bà là một nữ tại gia nhiệt thành và cũng là một phụ nữ gương mẫu. Bà thường thảo luận Phật pháp với vua Pasenadi, và thường thường nhà vua thua.

cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Hoàng hậu nghe xong, thưa rằng:

"Thật vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói với hoàng hậu Mạt-lỵ rằng:

"Nghe Tôn sư nói gì thì đệ tử nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn Sư của bà cho nên bà nói như vậy. Bà là đệ tử của Ngài cho nên bà nói như vậy, 'Nếu khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Hoàng hậu Mạt-lỵ thưa rằng:

"Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hay hãy sai sứ đi."

Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la bèn gọi Phạm chí Na-lị-ương-già[4] đến bảo rằng:

"Ngươi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể, khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Rồi nói như vầy, 'Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não' chăng?' Này Na-lị-ương-già, nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì, ngươi hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao? Vì những người như vậy không bao giờ nói dối."

Phạm chí Na-lị-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Bạch Cù-đàm, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la có lời hỏi thăm thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vầy, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chăng?'."

Thế Tôn nói rằng:

"Này Na-lị-ương-già, Ta nay hỏi ngươi, hãy tùy theo sự hiểu biết

---

4. Na-lị-ương-già 那利鴦伽。Nālijaṅgha, theo bản Pāli, không phải Ba-tư-nặc đích thân sai đi, mà chính Mạt-lỵ (hình như lén?) sai đi, để được hiểu rõ vấn đề.

mà trả lời. Na-lị-ương-già, ý ngươi nghĩ sao? Giả sử có một người đàn bà đã chết. Người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường, nói như vầy, 'Này các người, có thấy mẹ tôi chăng? Này các người có thấy mẹ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

"Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát sanh cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng chạy rong khắp cả ngõ đường, nói rằng, 'Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng? Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

"Này Na-lị-ương-già, thuở xưa có một người đàn bà về thăm gia đình, các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức tốc trở về nhà chồng, nói với chồng rằng, 'Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp vợ của ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chăng?' Người ấy bèn nắm cánh tay của bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng, 'Chết chung, sang đời khác với nhau! Chết chung, sang đời khác với nhau!' Rồi lấy con dao bén chém chết vợ và mình cũng tự sát luôn. Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Phạm chí Na-lị-ương-già sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng, rồi trở về.

Về đến Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la tâu rằng:

"Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thực có nói rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Hoàng hậu Mạt-lỵ tâu rằng:

"Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu đại tướng Bệ-lưu-la[5] chăng?"

---

5. Bệ-lưu-la, Pāli: Viḍūḍabha. Xem kinh 212 trên.

Vua đáp:

"Thật sự có yêu thương."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ như thế nào?"

Vua đáp:

"Mạt-lỵ, nếu đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Vương có yêu Đại thần Thi-lị-a-đà[6], yêu con voi Nhất-bôn-đà-lị[7], yêu đồng nữ Bà-di-lị[8], yêu Vũ Nhật Cái[9], yêu nước Ca-thi và yêu Câu-tát-la chăng?"

Vua đáp:

"Thật sự có yêu thương."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác, Vương sẽ ra sao?"

Vua đáp:

"Mạt-lỵ, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ công đức của dục là do ở hai nước này. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác, mạng sống của tôi cũng không, nói gì đến những sầu bi, khóc than ưu khổ, phiền muộn, ảo não?"

Mạt-lỵ tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

---

6. Thi-lị-a-trà 尸利阿茶; Pāli: Sirivaḍḍha. Xem kinh 212 trên.
7. Nhất-bôn-đà-lị, Pāli: Ekapundirika. Xem kinh 214 trên.
8. Bà-di-lị đồng nữ 婆夷利童女。Pāli: Vajirī-kunāri, công chúa, con gái độc nhất của Ba-tư-nặc và Mạt-lỵ, sau được gả cho vua A-xà-thế.
9. Vũ Nhật Cái 雨日蓋。Pāli: Vāsabhā (Khattiyā), một nữ tỳ dòng họ Thích, được giả làm con gái của Ma-ha-nam và được gả cho Pasenadi, về sau sinh Tỳ-lưu-ly (Viḍūḍabha).

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Ý Đại vương nghĩ sao? Có yêu thương tôi chăng?"

Vua đáp:

"Thật sự tôi yêu thương bà."

Mạt-lỵ lại hỏi:

"Nếu một khi tôi bị biến dịch, đổi khác, Đại vương sẽ ra sao?"

Vua đáp:

"Mạt-lỵ, nếu một khi bà bị biến dịch, đổi khác, tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não."

Mạt-lỵ tâu rằng:

"Do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'."

Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la nói rằng:

"Này Mạt-lỵ, kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm, do sự kiện này là Thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-lỵ, tôi nay tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay trọn đời tự quy cho đến tận mạng."

Phật thuyết như vậy, Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la và hoàng hậu Mạt-lỵ sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

217. KINH BÁT THÀNH[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, một số lớn các Tỳ-kheo danh đức, thượng tôn đến thành Ba-lị Tử, trú tại Kê viên[2].

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành[3] mang nhiều hàng hóa quý đến thành Ba-lị Tử để buôn bán đổi chác. Số hàng hóa đó bán hết rất mau; được lời khá to, Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành, hết sức vui mừng, bèn rời Ba-lị Tử đến Kê viên, tìm đến các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tôn danh đức thuyết pháp cho Cư sĩ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, các Ngài ngồi im lặng. Rồi thì Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành bạch:

"Bạch Thượng tôn, Tôn giả A-nan hiện giờ ở đâu? Con muốn được gặp."

Các Tỳ-kheo Thượng tôn đáp:

"Cư sĩ, Tôn giả A-nan đang ở tại thành Bệ-xá-li, bên bờ sông Di hầu, trọng cao lâu đài quán[4]. Nếu muốn thăm thì có thể đi đến đó."

---

1. Tương đương Pāli, M. 52. Aṭṭhakanāgara-suttam. Hán, biệt dịch, No.92.
2. Ba-la-lị Tử thành Kê viên 波羅利子城雞園; No.92: Ba-la-lê-phất-đô-lô, Kê viên. So Pāli: Pāṭaliputta, về sau là thủ đô của Magadha; Kukktārama, khu vườn có lẽ ở Đông nam của Pāṭaliputta. Một tinh xá cùng tên ở tại Kosambī.
3. Đệ thập Cư sĩ Bát thành 第十居士八城; Pāli: Dasamo gahapati Aṭṭhaka-nāgaro, gia chủ Dasama, người thị trấn Aṭṭhaka.
4. Di hầu giang biên, cao lầu đài quán 彌猴江邊高樓臺觀; có lẽ một ngôi nhà sàn ở trong rừng Mahāvana gần Vesāli, được gọi là Kūṭāgarasālā. Vì sông Di hầu không rõ tương đương Pāli, nhưng Sanskrit gọi là Markatā.

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tôn, nhiễu quanh chiều mặt ba vòng rồi đi.

Cư sĩ tìm đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, con có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?"

"Cư sĩ cứ hỏi. Tôi nghe rồi sẽ suy xét."

Cư sĩ hỏi:

"Bạch Tôn giả, Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, thấy đệ nhất nghĩa, Ngài có dạy một pháp nào mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ đoạn trừ các lậu, tâm giải thoát chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Đúng vậy, Đức Thế Tôn có dạy pháp ấy."

Cư sĩ hỏi:

"Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, Ngài dạy như thế nào về một pháp ấy, mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm giải thoát? Pháp ấy như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Hoặc có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng an trú vào đó mà không dứt sạch các lậu, thì nhờ nơi pháp này, do có muốn pháp, yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ[5], vị ấy đoạn trừ năm hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này.

"Lại nữa, Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử, tâm cùng đi đối với từ biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương,

---

5. Dục pháp ái pháp lạc pháp tĩnh pháp ái lạc hoan hỷ 欲法愛法樂法靜法愛樂歡喜。Pāli: teneva dhammarāgena tāya dhammanandiyā, do sự đam mê đối với pháp, do sự vui say đối với pháp.

bốn phương bàng, phương trên và phương dưới khắp cả mọi nơi tâm cùng đi đối với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, viên mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm đi đối với bi, hỷ và xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô lượng, vô biên khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Vị ấy cứ y nơi đây mà quán pháp như pháp. Vị ấy hoặc có thể y cứ vào đó mà dứt sạch các dục. Nhưng nếu chưa dứt sạch được các lậu, nhờ pháp này, do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết, hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn tái sanh lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc thành tựu tuệ nhãn, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, 'Có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.

"Lại nữa, Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trú, vị ấy ở nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy hoặc có thể an trú vào đó mà dứt sạch các lậu. Nhưng nếu không dứt sạch các lậu, thì nhờ pháp này, do yêu pháp, thích pháp, tin tưởng pháp, ái lạc, hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kết, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này nữa. Đây là pháp mà Đức Thế Tôn, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Bậc đã thành tựu, đã thấy đệ nhất nghĩa, nói rằng, có một pháp mà nếu Đa văn Thánh đệ tử an trụ vào đó sẽ dứt sạch các lậu tâm được giải thoát."

Bấy giờ Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu chắp tay bạch rằng:

"Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Tôn giả A-nan, con chỉ hỏi một cánh cửa cam lồ, nhưng Tôn giả đã nói cho con nghe một lần đến mười hai pháp môn cam lồ[6]. Dựa theo pháp môn nào trong mười hai pháp môn ấy tu tập cũng đều được giải thoát an lạc.

"Bạch Tôn giả A-nan, cũng như cách làng không xa, có một ngôi nhà lớn, được mở ra với mười hai cánh cửa. Một người có việc cần nên đã vào trong nhà ấy. Lại có một người khác đứng đó, nhưng không

---

6. Tức Bốn sắc giới thiền, Bốn vô lượng tâm và Bốn vô sắc định.

muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muốn sự an ổn cho người ấy, nên nổi lửa mà đốt nhà. Bạch Tôn giả A-nan, người ấy có thể do theo một trong mười hai cửa mà ra khỏi ngôi nhà cháy một cách an toàn[7]. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa cam lồ mà Ngài nói cho con nghe một lần đến mười hai cửa pháp cam lồ. Y theo một trong mười hai cửa pháp cam lồ này thì có thể được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong pháp luật của Phạm chí nói về pháp luật bất thiện mà còn có sự cúng dường thầy của họ, huống sao con lại không cúng dường bậc Đại sư Tôn giả A-nan."

Rồi ngay trong đêm ấy, Cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành bày dọn các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải dọn chỗ ngồi Cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê viên và thành Bệ-xá-li hợp lại, rồi tự tay mình dâng nước rửa, dâng các thức ăn thơm ngon tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; tự tay mời mọc cho đến khi chúng Tăng no đủ, phân chia các thức ăn đầy đủ cho chúng Tăng. Sau khi chúng Tăng thọ thực, thâu bát, rửa tay, Cư sĩ đem năm trăm vật phẩm mua một ngôi nhà cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh, sau đó cúng cho Chiêu đề tăng[8].

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Cư sĩ Đệ Thập người ở Bát thành sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

7. Cả hai bản Hán đều thí dụ bằng ngôi nhà cháy. Bản Pāli thí dụ một người đi tìm kho tàng.
8. Chiêu đề tăng 招提僧; dịch nghĩa là Thập phương tăng. Bản Pāli không có chi tiết này, nhưng tiếng Pāli tương đương là Catuddisāsaṅgha.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I)[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào lúc xế trưa từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà[2], cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

"Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn bạch rằng:

"Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng đích như vậy là chết an lành mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí,

---

1. Không có Pāli tương đương.
2. Xem kinh 184, 185 trên, và nhiều kinh khác.

lậu tận trí, lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết được an lành, mạng chung được an lành."

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

220. KINH KIẾN[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời sau khi Phật Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa. Lúc bấy giờ có một Phạm chí dị học, vốn là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia, sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên nói với Tôn giả A-nan rằng:

"A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, muốn hỏi cứ hỏi, Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Dị học Phạm chí bèn hỏi:

"Sự kiện như vầy. Những quan điểm[2] này bị gác lại[3], bị loại bỏ, không được giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên[4]; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt[5]; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt duyệt?' Sa-môn Cù-đàm có biết rõ các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết chăng?"

Tôn giả A-nan đáp:

---

1. Tương đương Pāli, A.7.51. Avyākata. Hán, biệt dịch, No.93.
2. Kiến 見。 Pāli: diṭṭhigata, thường được dịch là *kiến thú*, xu hướng của kiến chấp.
3. Xả trí 捨 置， chỉ những vấn đề thuộc bất khả thuyết. Xem ý nghĩa, kinh 222 ở sau. Pāli avyākāta, vô ký.
4. Nguyên Hán: thế hữu để, thế vô để 世 有 底 世 無 底， dịch sát: "thế gian có đáy hay không có đáy".
5. Nguyên Hán: Như Lai chung, bất chung 如 來 終 不 終。

Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy, là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Đó là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

'Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, tưởng thọ diệt thân chứng thành tựu an trụ, và do tuệ quán mà các lậu diệt tận, đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng

chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra.

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II)

Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ các Tỳ-kheo, vào lúc xế, từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà[1], cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên bạch rằng:

"Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày."

Tôn giả A-na-luật-đà nói:

"Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ."

Khi ấy các Tỳ-kheo hỏi rằng:

"Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới[2], đó là Tỳ-kheo chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt."

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

"Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bứt rứt, mạng chung không bứt rứt chăng?"

Tôn giả A-na-luật-đà đáp:

"Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, đó là

---

1. Xem kinh 184, và nhiều kinh khác.

2. Thánh ái giới, hay Thánh sở ái giới, giới được các Thánh hiền hâm mộ.

"Phạm chí, sự kiện như vầy. Đối với những quan điểm này, Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường, hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, biết các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết."

Phạm chí dị học lại hỏi:

"Sự kiện như vầy. Những quan điểm này Sa-môn Cù-đàm gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu thường, hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Sa-môn Cù-đàm biết rõ các quan điểm này đúng như lý ưng phải biết như thế nào?"

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, sự kiện như vầy. Những quan điểm này được Đức Thế Tôn, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Này Dị học Phạm chí, kiến như vậy, thủ như vậy, sanh như vậy, đến đời sau như vậy, những vấn đề như vậy là điều mà Thế Tôn, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là, 'Thế giới hữu biên hay thế giới vô biên, thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Những quan điểm ấy được biết như vậy. Các quan

điểm ấy phải được biết như vậy."

Dị học Phạm chí bạch rằng:

"A-nan, nay tôi tự quy A-nan."

Tôn giả A-nan đáp:

"Phạm chí, ông đừng tự quy nơi tôi. Cũng như tôi tự quy y nơi Phật ông cũng nên tự quy như vậy."

Dị học Phạm chí nói:

"A-nan, nay tôi tự quy Phật, Pháp, và Tỳ-kheo Tăng. 'Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy cho đến tận mạng'."

Tôn giả A-nan thuyết như vậy. Dị học Phạm chí nghe Tôn giả A-nan thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

221. KINH TIỄN DỤ[1]

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Man Đồng tử[2], sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, "Sự kiện như vầy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại[3], loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên[4]; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt, hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt[5], hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Đức Như Lai xác quyết[6] nói cho ta biết rằng: 'Thế giới hữu thường' ta sẽ theo Ngài học phạm hạnh, còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai

---

1. Tương đương Pāli: M.63. Cūḷa-Māluṅkyaputta-suttam. Hán, biệt dịch: No.94.
2. Xem cht.3, kinh 205 trên.
3. Xem cht.3, kinh 220 trên.
4. Nguyên Hán: thế hữu để vô để 世有底世無底。 Pāli: antavā loko 'ti pi anantavā loko 'ti pi.
5. Nguyên Hán: Như Lai chung... bất chung 如來終不終。 Pāli: hoti tathāgato paraṃ maraṇnā, Như Lai tồn tại hay không sau khi chết?
6. Hán: nhất hướng thuyết 一向說。

cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu Đức Thế Tôn xác quyết nói cho ta biết rằng, 'Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng' ta sẽ theo Ngài tu học phạm hạnh; còn nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng, 'Điều này là chơn thật ngoài ra là hư vọng' thì ta sẽ cật vấn Ngài rồi bỏ Ngài mà đi."

Rồi Tôn giả Man Đồng tử vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sống cô độc tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm, 'Sự kiện như vầy. Những quan điểm này bị Đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là, 'Thế giới hữu thường hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không hài lòng với điều này, ta không nhẫn khả với điều này. Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng, 'Thế giới hữu thường', Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng 'Thế giới hữu thường' thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu Thế Tôn xác quyết rõ ràng 'Điều này chơn thật, ngoài ra là hư vọng', Bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không xác quyết rõ ràng 'Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng', thì Ngài hãy nói thẳng là không biết'."

Đức Thế Tôn hỏi:

"Này Man Đồng tử, trước kia Ta có nói như vầy với ngươi rằng, 'Hãy đến đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh rồi Ta sẽ nói cho nghe, 'Thế giới hữu thường'chăng'?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên, hay vô biên sinh mạng tức thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt

hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' chăng?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Man Đồng tử, trước kia ngươi có nói với Ta rằng, 'Nếu Thế Tôn xác quyết nói cho con biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì con sẽ theo Thế Tôn học phạm hạnh' chăng?"

Man Đồng tử đáp:

"Bạch Thế Tôn, không."

Đức Thế Tôn nói:

"Này Man Đồng tử, trước kia Ta không nói với ngươi và ngươi cũng không nói với Ta; ngươi quả là kẻ ngu si, vì sao lại hư vọng xuyên tạc Ta?"

Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị Đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng tử, rồi nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu có người ngu si nghĩ như vầy, 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì Ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh'. Những người ngu si ấy, chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu có người ngu si nghĩ như 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra là hư vọng' thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'. Những người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Ví như một người bị trúng tên độc; do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc nên

tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng, 'Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá[7], bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vằng? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng võ gai? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông phiêu lằng[8], lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình phi đao? Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?' Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Cũng vậy, nếu có người ngu si nghĩ như vầy, 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'. Nhưng người ngu si ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, Như Lai vừa tuyệt diệt hay Như Lai vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nếu có người ngu si nghĩ như vầy 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài

---

7. Chá 柘: một loại cây giống cây dâu, lá tằm ăn được.

8. Trong bản nói *phiêu phương* 飄 鴋: các bản khác nói *phiêu lăng*, một loại chim?

ra là hư vọng thì ta sẽ không theo Đức Thế Tôn tu học phạm hạnh'.' Nhưng người ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

"'Thế giới hữu thường', nhân nơi quan điểm này mà theo ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, nay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác, Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy. 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên; thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì có quan điểm này mà theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện này không phải là như vậy.

"'Thế giới hữu thường', vì không có quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học phạm hạnh, sự kiện không phải là như vậy.

"Dù 'Thế giới hữu thường', thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có

chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh. Cũng vậy, dù 'Thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt, hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?' thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

"'Thế giới hữu thường', Ta không xác quyết điều này. Vì điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết điều này. Cũng vậy, 'Thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?' Ta không xác quyết điều này. Vì lý do gì mà Ta không xác quyết những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải là căn bản phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Cho nên Ta không xác quyết những điều này.

"Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? 'Đây là khổ', Ta xác quyết nói 'Đây là khổ', 'Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích' Ta xác quyết nói. Vì những lý do gì mà Ta xác quyết nói những điều này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn, cho nên Ta xác quyết nói những điều này.

"Đó là, những gì thể nói thì Ta không nói, những gì có thể nói thì Ta nói[9], hãy thọ trì như vậy. Hãy học tập như vậy."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

9. Bất khả thuyết 不可說。Pāli: abyakāta (vô ký), có mười bốn vấn đề bất khả thuyết, như trong kinh này đã kể.

222. KINH LỆ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc..

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ.

"Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri[1].

"Nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ tâm, pháp như pháp. Đó là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn niệm xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành,

---

1. Các giai đoạn tu tập tuần tự: số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ tổng tri và biệt tri: chuyên cần, quyết ý, vượt qua, nhổ sạch, hoàn toàn tĩnh chỉ.

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn[2]. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không quên mất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri[3].

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cầu khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn chánh đoạn.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi

---

2. Tham chiếu Pháp Uẩn Túc Luận 3 (Đại 26 tr.467c): khởi dục, phát cần, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

3. Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần... đều được tu tập theo thứ tự từ tinh cần...

là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành[4], y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên dục tận, thú hướng phi phẩm[5]. Cũng vậy tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn như ý túc. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

"Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Tứ thiền. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền. Thế nào là muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô

---

4. Xem kinh 86 trên.

5. Phi phẩm, nơi khác, cũng trong bản Hán này nói là *Thú hướng xuất yếu* (?).

Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm cho tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Tứ thiền.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm căn.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lại xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn

biệt tri vô minh nên tu Năm lực.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định. Tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bảy giác chi.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho

đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến, cho đến tu chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh, nên tu Thánh đạo tám chi.

"Nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu thứ nhất địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Mười biến xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không biến xứ; tu thứ mười vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ.

"Muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

"Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười pháp vô học.

"Như vô minh, hành cũng vậy. Như hành, thức cũng vậy. Như thức, danh sắc cũng vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy.

"Nếu đoạn trừ lão tử, nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.
"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt trừ lão tử nên tu Bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn niệm xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương

tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần khích lệ, và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu đoạn trừ lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn chánh đoạn.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu học dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định như ý túc thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng

phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bốn như ý túc. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm; cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tu tư duy định, như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bốn như ý túc.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly bất thiện pháp cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Tứ thiền.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm căn.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn? Thế nào gọi là nếu

muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm căn.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Năm lực.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử, nên tu Bảy giác chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục,

y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định. Tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên diệt tận, y trên vô dục, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Bảy giác chi.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến, cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Thánh đạo tám chi.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy trên dưới, là không hai, là vô lượng. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư,

hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu thứ nhất, địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười là vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó là nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Mười biến xứ.

"Nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ lão tử nên tu Mười pháp vô học. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

"Nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn biệt tri lão tử nên tu Mười pháp vô học."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

❑

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 4

BỘ A-HÀM
IV

Tổng giám tu: **Thích Tịnh Hạnh**

Ban thực hiện:

- Thích Tuệ Sỹ
- Thích Chánh Lạc
- Thích Đức Thắng
- Thích Bảo Quang
- Thích Tâm Hạnh

NƠI XUẤT BẢN VÀ TỔNG PHÁT HÀNH

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH và PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN

Linh sơn Cultural and Educational Foundation

- Địa chỉ: 3F., 7F., 21, Sec.1, Chung Hsiao W.Rd.
  Taipei, Taiwan, 100, R.O.C.
- E-mail: linhson@ tpts5.seed.net.tw
- http: //www.linhson.org.tw
- Điện thoại: 886-2-2381-4434, 2361-3015, 2361-3016
- Fax: 886-2-2314-1049
- Điện thoại riêng của Hòa thượng Tịnh Hạnh: 886-2-2663-2992
- Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER, xin đề Li Kuang Lien, gởi theo hộp thư: P.O.BOX 8-264, Taipei, Taiwan, 100, R.O.C.
- Nếu gởi ngân khoản nhiều, xin đề:
  CITIBANK, N.A., 52. Sec.4 Min Sheng E. Rd., Taipei, Taiwan.
  BENEFICIARY: Li Kuang Lien
  ACCOUNT NUMBER: 51362724

(Vì khi gởi một lần tiền, thì bị ngân hàng khấu trừ chi phí thủ tục US$7.00)

*** Tại VIỆT NAM, xin liên lạc:**

Đạo hữu NGUYÊN HUỆ

Chùa Pháp bảo, 5/161 Xa lộ Hà nội, P. Linh trung, Q. Thủ đức, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại/ Fax: 84-8-8961900

Ngân khoản xin đề: Lê Quang Liên (Thích Tịnh Hạnh)

Số tài khoản: 8302 0405c (Tiền Việt)

Sở giao dịch II NHĐTPTVN, Tp.HCM số 117, Nguyễn Huệ, Q.1, Tp. HCM

*** Tại HOA KỲ và CANADA, xin liên lạc:**

VÕ THẮNG TIẾT – VĂN NGHỆ

9351 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683, U.S.A.

Điện thoại: (714) 934-8574. Fax: (714) 934-8514.

*** Tại CHÂU ÂU, xin liên lạc:**

VAN TUYET (Sư cô Thích nữ Trí Minh)

Chùa Linh sơn, 146, Rue de Belfort, 68200, Mulhouse, FRANCE.

Điện thoại: (03) 89-42-25-80 (nếu ngoài Pháp, xin gọi: (3) 89-42-25-80.

*** Tại ÚC ĐẠI LỢI, xin liên lạc:**

TANG NHI (Sư cô Thích nữ Trí Lưu)

Chùa Linh sơn, 89, Rowe Tce, Darra, KLD, 4076, AUSTRALIA.

Điện thoại: (073) 375-4268 (nếu ngoài Úc, xin gọi: (73) 375-4268).

Xin Quý Vị chú ý:

– Nếu Quý vị gởi tiền qua ngân hàng Hoa Kỳ (Citibank) tại Đài Loan để thỉnh Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh hay Phật Quang Đại Từ Điển, đồng thời xin vui lòng gởi thư chỗ tôi được rõ, chứ ngân hàng không cho biết chi tiết.

– Tiền chuyên chở, xin hỏi nơi phát hành của mỗi địa phương.

Xin đa tạ!

Sa môn Thích Tịnh Hạnh

Mẫu bìa mạ vàng: Nguyễn Đồng (California)